

18. Thủ tục: Chứng thực hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất:

- *Trình tự thực hiện:*

Bước 1: - Chuẩn bị đầy đủ các hồ sơ theo quy định.

Bước 2: - Nộp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ tại Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn (trong giờ hành chính từ thứ hai đến sáng thứ bảy hàng tuần).

- Cán bộ Tổ tiếp nhận và trả kết quả phường - xã, thị trấn kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của các giấy tờ

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ cán bộ tiếp nhận viết biên nhận trao cho người nộp.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì cán bộ tiếp nhận hướng dẫn một lần để người nộp hoàn thiện hồ sơ.

Bước 3: - Nhận kết quả giải quyết tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn (trong giờ hành chính từ thứ hai đến sáng thứ bảy hàng tuần).

- *Cách thức thực hiện:* Nộp trực tiếp hồ sơ tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Phiếu yêu cầu chứng thực.
- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất (04 bản chính).
- Chứng minh nhân dân (01 bản có chứng thực sao y);
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính và 01 bản photocopy có chứng thực sao y).

b) Số lượng hồ sơ 01 (bộ)

- *Thời hạn giải quyết:* 01 ngày làm việc kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ

- *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Cá nhân

- *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:* Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn.

- *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:* văn bản xác nhận

- *Lệ phí (nếu có):* Tùy vào giá trị hợp đồng.

- *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm):*

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất (Mẫu 49/HĐTC)

- Phiếu yêu cầu chứng thực (Mẫu 31/PYC)

- *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):* Không

- *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:*

- Bộ Luật Dân sự 2005; Luật Đất đai 2003.

- Thông tư liên tịch số 93/2001/TTLT/BTC-BTP ngày 21 tháng 11 năm 2001 của Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí công chứng, chứng thực. Có hiệu lực thi hành từ ngày 06 tháng 12 năm 2001.

- Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-BTP-BTNMT ngày 13 tháng 6 năm 2006 của Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn việc công chứng, chứng thực hợp đồng văn bản thực hiện quyền của người sử dụng đất.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THẾ CHẤP QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Chúng tôi gồm có:

Bên thế chấp (sau đây gọi là bên A)(1):

.....
.....
.....
.....
.....
.....

Bên nhận thế chấp (sau đây gọi là bên B)(1):

.....
.....
.....
.....
.....
.....

Hai bên đồng ý thực hiện việc thế chấp quyền sử dụng đất với những thỏa thuận sau đây:

**ĐIỀU 1
NGHĨA VỤ ĐƯỢC BẢO ĐẢM**

1. Bên A đồng ý thế chấp quyền sử dụng đất của mình để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự đối với bên B.

2. Nghĩa vụ được bảo đảm là (8):

**ĐIỀU 2
TÀI SẢN THẾ CHẤP**

Quyền sử dụng đất của bên A đối với thửa đất theo
.....(2), cụ thể như sau:

- Thửa đất số:
- Tờ bản đồ số:.....
- Địa chỉ thửa đất:
- Diện tích: m² (bằng chữ:))
- Hình thức sử dụng:
 - + Sử dụng riêng: m²
 - + Sử dụng chung: m²
- Mục đích sử dụng:.....

- Thời hạn sử dụng:.....
- Nguồn gốc sử dụng:.....
- Những hạn chế về quyền sử dụng đất (nếu có):
-

ĐIỀU 3 GIÁ TRỊ TÀI SẢN THẾ CHẤP

Giá trị tài sản thế chấp nêu tại Điều 2 của Hợp đồng này là:đồng
(bằng chữ: đồng) theo văn bản xác định giá trị tài sản thế chấp ngày/...../.....

ĐIỀU 4 NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN A

1. Nghĩa vụ của bên A:
 - Giao các giấy tờ về tài sản thế chấp cho bên B;
 - Không được chuyển nhượng, chuyển đổi, tặng cho, cho thuê, góp vốn hoặc dùng tài sản thế chấp để bảo đảm cho nghĩa vụ khác nếu không được bên B đồng ý bằng văn bản;
 - Bảo quản, giữ gìn tài sản thế chấp; áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo toàn giá trị tài sản thế chấp trong trường hợp tài sản thế chấp có nguy cơ bị hư hỏng do khai thác, sử dụng;
 - Tạo điều kiện thuận lợi cho bên B kiểm tra tài sản thế chấp.
2. Quyền của bên A:
 - Được sử dụng, khai thác, hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản thế chấp;
 - Nhận lại các giấy tờ về tài sản thế chấp sau khi hoàn thành nghĩa vụ;
 - Yêu cầu bên B bồi thường thiệt hại nếu làm mất, hư hỏng các giấy tờ về tài sản thế chấp.

ĐIỀU 5 NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN B

1. Nghĩa vụ của bên B:
 - Giữ và bảo quản các giấy tờ về tài sản thế chấp, trong trường hợp làm mất, hư hỏng, thì phải bồi thường thiệt hại cho bên A;
 - Giao lại các giấy tờ về tài sản thế chấp cho bên A khi bên A hoàn thành nghĩa vụ.
2. Quyền của bên B:
 - Kiểm tra hoặc yêu cầu bên A cung cấp thông tin về thực trạng tài sản thế chấp;
 - Yêu cầu bên A áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo toàn giá trị tài sản thế chấp trong trường hợp tài sản thế chấp có nguy cơ bị hư hỏng do khai thác, sử dụng;
 - Yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo phương thức đã thỏa thuận.

ĐIỀU 6 VIỆC ĐĂNG KÝ THẾ CHẤP VÀ NỘP LỆ PHÍ

1. Việc đăng ký thế chấp tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật do bên chịu trách nhiệm thực hiện.
2. Lệ phí liên quan đến việc thế chấp quyền sử dụng đất theo Hợp đồng này do bên chịu trách nhiệm nộp.

ĐIỀU 7 XỬ LÝ TÀI SẢN THẾ CHẤP

1. Trong trường hợp hết thời hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên A không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì bên B có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo phương thức (9):

.....
.....
.....
.....

2. Việc xử lý tài sản thế chấp được thực hiện để thanh toán nghĩa vụ cho bên B sau khi đã trừ chi phí bảo quản, bán tài sản và các chi phí khác có liên quan đến việc xử lý tài sản thế chấp.

ĐIỀU 8
PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, nếu phát sinh tranh chấp, các bên cùng nhau thương lượng giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của nhau; trong trường hợp không giải quyết được thì một trong hai bên có quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 9
CAM ĐOAN CỦA CÁC BÊN

Bên A và bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời cam đoan sau đây:

1. Bên A cam đoan:

- 1.1. Những thông tin về nhân thân, về thửa đất đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;
- 1.2. Thửa đất thuộc trường hợp được thế chấp quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật;
- 1.3. Tại thời điểm giao kết Hợp đồng này:
 - a) Thửa đất không có tranh chấp;
 - b) Quyền sử dụng đất không bị kê biên để bảo đảm thi hành án;
- 1.4. Việc giao kết hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;
- 1.5. Thực hiện đúng và đầy đủ các thỏa thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

2. Bên B cam đoan:

- 2.1. Những thông tin về nhân thân đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;
- 2.2. Đã xem xét kỹ, biết rõ về thửa đất nêu tại Điều 2 của Hợp đồng này và các giấy tờ về quyền sử dụng đất;
- 2.3. Việc giao kết hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;
- 2.4. Thực hiện đúng và đầy đủ các thỏa thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

ĐIỀU (10)

.....

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

ĐIỀU
ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Hai bên đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của mình và hậu quả pháp lý của việc giao kết Hợp đồng này.

Bên A
(Ký và ghi rõ họ tên) (11)

Bên B
(Ký và ghi rõ họ tên) (11)

**LỜI CHỨNG CỦA CHỦ TỊCH/PHÓ CHỦ TỊCH
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN**

Ngày.....tháng.....năm..... (bằng chữ)
tại(12),
tôi, Chủ tịch/Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân
xã/phường/thị trấn huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh
..... tỉnh/thành phố

CHỨNG THỰC:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được giao kết giữa bên A là.....
..... và bên B
là; các bên đã tự nguyện
thỏa thuận giao kết hợp đồng;

- Tại thời điểm chứng thực, các bên đã giao kết hợp đồng có năng lực hành vi dân sự phù
hợp theo quy định của pháp luật;

- Nội dung thỏa thuận của các bên trong hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật,
không trái đạo đức xã hội;

-
.....(13)

- Hợp đồng này được làm thành bản chính (mỗi bản chính gồm tờ,
trang), giao cho:

+ Bên A bản chính;

+ Bên B bản chính;

Lưu tại Ủy ban nhân dân một bản chính.

Số....., quyền sốTP/CC-SCT/HĐGD.

CHỦ TỊCH/PHÓ CHỦ TỊCH
(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 31/PYC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU YÊU CẦU CHỨNG THỰC HỢP ĐỒNG, VĂN BẢN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn.....

Họ và tên người nộp phiếu:.....

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại:

Email:

Số Fax:

Yêu cầu chứng thực về:

.....

Các giấy tờ nộp kèm theo Phiếu này gồm có:

1.....

2.....

3.....

4.....

5.....

6.....

7.....

8.....

9.....

10.....

Thời gian nhận phiếu giờ, ngày...../...../.....

NGƯỜI NHẬN PHIẾU
(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI NỘP PHIẾU
(Ký và ghi rõ họ tên)

19. Thủ tục: Chứng thực hợp đồng thế chấp nhà ở và quyền sử dụng đất ở.

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: - Chuẩn bị đầy đủ các hồ sơ theo quy định.

Bước 2: - Nộp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ tại Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn (trong giờ hành chính từ thứ hai đến sáng thứ bảy hàng tuần).

- Cán bộ Tổ tiếp nhận và trả kết quả phường - xã, thị trấn kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của các giấy tờ

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ cán bộ tiếp nhận viết biên nhận trao cho người nộp.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì cán bộ tiếp nhận hướng dẫn một lần để người nộp hoàn thiện hồ sơ.

Bước 3: - Nhận kết quả giải quyết tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn (trong giờ hành chính từ thứ hai đến sáng thứ bảy hàng tuần).

- *Cách thức thực hiện:* Nộp trực tiếp hồ sơ tại trụ sở cơ quan hành chính Nhà nước.

- *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Phiếu yêu cầu chứng thực.
- Hợp đồng thế chấp theo mẫu.
- Bản chính và bản sao giấy chứng nhận.
- Chứng minh nhân dân và hộ khẩu.
- Bản sao biên lai thuế.

b) Số lượng hồ sơ 01 bộ.

- *Thời hạn giải quyết:* 03 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Cá nhân.

- *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân quận - huyện.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn.

-
- *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính*: văn bản xác nhận
 - *Lệ phí (nếu có)*: Tùy theo giá trị hợp đồng.
 - *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm)*: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (Mẫu 48/HĐTC)
 - *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)*: Không.
 - *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính*:
 - Luật Đất đai 2003;
 - Bộ Luật Dân sự 2005;
 - Luật Nhà ở 2005.
 - Thông tư liên tịch số 93/2001/TTLT/BTC-BTP ngày 21 tháng 11 năm 2001 của Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí công chứng, chứng thực. Có hiệu lực thi hành từ ngày 06 tháng 12 năm 2001.
 - Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-BTP-BTNMT ngày 13 tháng 6 năm 2006 của Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn việc công chứng, chứng thực hợp đồng văn bản thực hiện quyền của người sử dụng đất.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**HỢP ĐỒNG THẾ CHẤP QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT**

Chúng tôi gồm có:

Bên thế chấp (sau đây gọi là bên A)(1):

.....
.....
.....
.....
.....
.....

Bên nhận thế chấp (sau đây gọi là bên B)(1):

.....
.....
.....
.....
.....
.....

Hai bên đồng ý thực hiện việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo những thỏa thuận sau đây:

**ĐIỀU 1
NGHĨA VỤ ĐƯỢC BẢO ĐẢM**

- 1. Bên A đồng ý thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của mình để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự đối với bên B.
- 2. Nghĩa vụ được bảo đảm là (8):
-
-

**ĐIỀU 2
TÀI SẢN THẾ CHẤP**

Quyền sử dụng đất của bên A đối với thửa đất theo
.....(2), cụ thể như sau:

- Thửa đất số:
- Tờ bản đồ số:
- Địa chỉ thửa đất:
- Diện tích: m² (bằng chữ:))
- Hình thức sử dụng:
 - + Sử dụng riêng: m²
 - + Sử dụng chung: m²
- Mục đích sử dụng:

- Thời hạn sử dụng:.....
 - Nguồn gốc sử dụng:.....
- Những hạn chế về quyền sử dụng đất (nếu có):

2. Tài sản gắn liền với đất là (3):

.....

Giấy tờ về quyền sở hữu tài sản có:
(4)

ĐIỀU 3 GIÁ TRỊ TÀI SẢN THẾ CHẤP

Giá trị tài sản thế chấp nêu tại Điều 2 của Hợp đồng này là:đồng
 (bằng chữ: đồng) theo văn bản xác định giá trị tài sản
 thế chấp ngày/...../.....

ĐIỀU 4 NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN A

1. Nghĩa vụ của bên A:
 - Giao các giấy tờ về tài sản thế chấp cho bên B;
 - Không được chuyển nhượng, chuyển đổi, tặng cho, cho thuê, góp vốn hoặc dùng tài sản thế chấp để bảo đảm cho nghĩa vụ khác nếu không được bên B đồng ý bằng văn bản;
 - Bảo quản, giữ gìn tài sản thế chấp; áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo toàn giá trị tài sản thế chấp trong trường hợp tài sản thế chấp có nguy cơ bị hư hỏng do khai thác, sử dụng;
 - Tạo điều kiện thuận lợi cho bên B kiểm tra tài sản thế chấp.
2. Quyền của bên A:
 - Được sử dụng, khai thác, hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản thế chấp;
 - Nhận lại các giấy tờ về tài sản thế chấp sau khi hoàn thành nghĩa vụ;
 - Yêu cầu bên B bồi thường thiệt hại nếu làm mất, hư hỏng các giấy tờ về tài sản thế chấp.

ĐIỀU 5 NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN B

1. Nghĩa vụ của bên B:
 - Giữ và bảo quản các giấy tờ về tài sản thế chấp, trong trường hợp làm mất, hư hỏng, thì phải bồi thường thiệt hại cho bên A;
 - Giao lại các giấy tờ về tài sản thế chấp cho bên A khi bên A hoàn thành nghĩa vụ.
2. Quyền của bên B
 - Kiểm tra hoặc yêu cầu bên A cung cấp thông tin về thực trạng tài sản thế chấp;
 - Yêu cầu bên A áp dụng các biện pháp cần thiết để bảo toàn giá trị tài sản thế chấp trong trường hợp tài sản thế chấp có nguy cơ bị hư hỏng do khai thác, sử dụng;
 - Yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo phương thức đã thỏa thuận.

ĐIỀU 6
VIỆC ĐĂNG KÝ THẾ CHẤP VÀ NỘP LỆ PHÍ

1. Việc đăng ký thế chấp tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật do bên chịu trách nhiệm thực hiện.
2. Lệ phí liên quan đến việc thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng này do bên chịu trách nhiệm nộp.

ĐIỀU 7
XỬ LÝ TÀI SẢN THẾ CHẤP

1. Trong trường hợp hết thời hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên A không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì bên B có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo phương thức (9):
.....
.....
.....
.....
2. Việc xử lý tài sản thế chấp được thực hiện để thanh toán nghĩa vụ cho bên B sau khi đã trừ chi phí bảo quản, bán tài sản và các chi phí khác có liên quan đến việc xử lý tài sản thế chấp.

ĐIỀU 8
PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, nếu phát sinh tranh chấp, các bên cùng nhau thương lượng giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của nhau; trong trường hợp không giải quyết được thì một trong hai bên có quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 9
CAM ĐOAN CỦA CÁC BÊN

Bên A và bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời cam đoan sau đây:

1. Bên A cam đoan:
 - 1.1. Những thông tin về nhân thân, về thửa đất đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;
 - 1.2. Thửa đất thuộc trường hợp được thế chấp quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật;
 - 1.3. Tại thời điểm giao kết Hợp đồng này:
 - a) Thửa đất và tài sản gắn liền với đất không có tranh chấp;
 - b) Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất không bị kê biên để bảo đảm thi hành án;
 - 1.4. Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;
 - 1.5. Thực hiện đúng và đầy đủ các thỏa thuận đã ghi trong Hợp đồng này.
2. Bên B cam đoan:
 - 2.1. Những thông tin về nhân thân đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;
 - 2.2. Đã xem xét kỹ, biết rõ về thửa đất, tài sản gắn liền với đất nêu tại Điều 2 của Hợp đồng này và các giấy tờ về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất;
 - 2.3. Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;
 - 2.4. Thực hiện đúng và đầy đủ các thỏa thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

ĐIỀU (10)

.....

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

**ĐIỀU
ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG**

Hai bên đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của mình và hậu quả pháp lý của việc giao kết Hợp đồng này.

Bên A
(Ký và ghi rõ họ tên) (11)

Bên B
(Ký và ghi rõ họ tên) (11)

**LỜI CHỨNG CỦA CHỦ TỊCH/PHÓ CHỦ TỊCH
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN**

Ngày.....tháng.....năm..... (bằng chữ)
 tại(12),
 tôi, Chủ tịch/Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân
 xã/phường/thị trấn huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh
 tỉnh/thành phố

CHỨNG THỰC:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được giao kết giữa bên A là.....
 và bên B
 là; các bên đã tự nguyện
 thỏa thuận giao kết hợp đồng;

- Tại thời điểm chứng thực, các bên đã giao kết hợp đồng có năng lực hành vi dân sự phù
 hợp theo quy định của pháp luật;

- Nội dung thỏa thuận của các bên trong hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật,
 không trái đạo đức xã hội;

-
(13)

- Hợp đồng này được làm thành bản chính (mỗi bản chính gồm tờ,
 trang), giao cho:

+ Bên A bản chính;

+ Bên B bản chính;

Lưu tại Ủy ban nhân dân một bản chính.

Số....., quyền sốTP/CC-SCT/HĐGD.

CHỦ TỊCH/PHÓ CHỦ TỊCH
 (Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

20. Thủ tục: Chứng thực hợp đồng tặng cho nhà ở và quyền sử dụng đất ở

- *Trình tự thực hiện:*

Bước 1: - Chuẩn bị đầy đủ các hồ sơ theo quy định.

Bước 2: - Nộp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ tại Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn (trong giờ hành chính từ thứ hai đến sáng thứ bảy hàng tuần).

- Cán bộ Tổ tiếp nhận và trả kết quả phường - xã, thị trấn kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của các giấy tờ

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ cán bộ tiếp nhận viết biên nhận trao cho người nộp.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì cán bộ tiếp nhận hướng dẫn một lần để người nộp hoàn thiện hồ sơ.

Bước 3: - Nhận kết quả giải quyết tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn (trong giờ hành chính từ thứ hai đến sáng thứ bảy hàng tuần).

- *Cách thức thực hiện:* Nộp trực tiếp hồ sơ tại trụ sở cơ quan hành chính Nhà nước.

- *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Phiếu yêu cầu chứng thực hợp đồng.
- Hợp đồng thuê theo luật định.
- Bản chính và 01 bản sao giấy chứng nhận.
- Chứng minh nhân dân và hộ khẩu.

b) Số lượng hồ sơ 01 bộ

- *Thời hạn giải quyết:* 03 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ

- *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*

- Cá nhân;
- Tổ chức.

- *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:* Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn.

- *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:* văn bản xác nhận

- *Lệ phí (nếu có):* Tùy theo giá trị hợp đồng.

- *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm):*

- Hợp đồng thuê tài sản gắn liền với đất: Mẫu 46/HĐT;

- Phiếu yêu cầu chứng thực hợp đồng: Mẫu 31/PYC.

- *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):* Không

- *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:*

- Bộ Luật Dân sự 2005; Luật Đất đai 2003; Luật Nhà ở 2005;

- Thông tư liên tịch số 93/2001/TTLT/BTC-BTP ngày 21 tháng 11 năm 2001 của Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí công chứng, chứng thực. Có hiệu lực thi hành từ ngày 06 tháng 12 năm 2001.

- Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-BTP-BTNMT ngày 13 tháng 6 năm 2006 của Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn việc công chứng, chứng thực hợp đồng văn bản thực hiện quyền của người sử dụng đất.

- Địa chỉ thửa đất:
- Diện tích: m² (bằng chữ:)
- Hình thức sử dụng:
 - + Sử dụng riêng: m²
 - + Sử dụng chung: m²
- Mục đích sử dụng:.....
- Thời hạn sử dụng:.....
- Nguồn gốc sử dụng:.....
- Những hạn chế về quyền sử dụng đất (nếu có):
-
- Giấy tờ về quyền sử dụng đất có:
- (2)

ĐIỀU 2 THỜI HẠN THUÊ

Thời hạn thuê tài sản nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này là,
kể từ ngày / /

ĐIỀU 3 MỤC ĐÍCH THUÊ

Mục đích thuê tài sản nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này là:

ĐIỀU 4 GIÁ THUÊ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

1. Giá thuê tài sản nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này là: đồng
(bằng chữ: đồng Việt Nam)

2. Phương thức thanh toán:

3. Việc giao và nhận số tiền nêu tại khoản 1 Điều này do hai bên tự thực hiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

ĐIỀU 5 NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN A

1. Bên A có các nghĩa vụ sau đây:

- Giao tài sản nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này cho bên B vào thời điểm:.....
- Bảo đảm cho bên B sử dụng ổn định tài sản thuê trong thời hạn thuê;
- Bảo dưỡng, sửa chữa tài sản theo định kỳ hoặc theo thỏa thuận; nếu bên A không bảo dưỡng, sửa chữa mà gây thiệt hại cho bên B thì phải bồi thường.

2. Bên A có các quyền sau đây:

- Nhận đủ tiền thuê tài sản, theo phương thức đã thỏa thuận;
- Đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng nhưng phải báo cho bên B biết trước một tháng nếu bên B có một trong các hành vi sau đây:
 - + Không trả tiền thuê tài sản liên tiếp trong ba tháng trở lên mà không có lý do chính đáng;
 - + Sử dụng tài sản không đúng mục đích thuê;
 - + Làm tài sản hư hỏng nghiêm trọng;

- + Sửa chữa, đổi hoặc cho người khác thuê lại toàn bộ hoặc một phần tài sản đang thuê mà không có sự đồng ý của bên A;
- + Làm mất trật tự công cộng nhiều lần và ảnh hưởng nghiêm trọng đến sinh hoạt bình thường của những người xung quanh;
- + Làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến vệ sinh môi trường;
- Cải tạo, nâng cấp tài sản cho thuê khi được bên B đồng ý, nhưng không được gây phiền hà cho bên B;
- Được lấy lại tài sản khi hết hạn Hợp đồng thuê.

ĐIỀU 6 NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN B

1. Bên B có các nghĩa vụ sau đây:
 - Sử dụng tài sản đúng mục đích đã thỏa thuận;
 - Trả đủ tiền thuê tài sản, theo phương thức đã thỏa thuận;
 - Giữ gìn tài sản, sửa chữa những hư hỏng do mình gây ra;
 - Tôn trọng quy tắc sinh hoạt công cộng;
 - Trả tài sản cho bên A sau khi hết hạn Hợp đồng thuê.
2. Bên B có các quyền sau đây:
 - Nhận tài sản thuê theo đúng thỏa thuận;
 - Được cho thuê lại tài sản đang thuê, nếu được bên A đồng ý bằng văn bản;
 - Được tiếp tục thuê theo các điều kiện đã thỏa thuận với bên A, trong trường hợp thay đổi chủ sở hữu tài sản;
 - Được ưu tiên ký hợp đồng thuê tiếp, nếu đã hết hạn thuê mà tài sản vẫn dùng để cho thuê;
 - Yêu cầu bên A sửa chữa tài sản đang cho thuê trong trường hợp tài sản bị hư hỏng nặng.
 - Đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng thuê tài sản nhưng phải báo cho bên A biết trước một tháng và yêu cầu bồi thường thiệt hại, nếu bên A có một trong các hành vi sau đây:
 - + Không sửa chữa tài sản khi chất lượng tài sản giảm sút nghiêm trọng;
 - + Tăng giá thuê tài sản bất hợp lý;
 - + Quyền sử dụng tài sản bị hạn chế do lợi ích của người thứ ba.

ĐIỀU 7 TRÁCH NHIỆM NỘP LỆ PHÍ

Lệ phí liên quan đến việc thuê tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng này do bên chịu trách nhiệm nộp.

ĐIỀU 8 PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, nếu phát sinh tranh chấp, các bên cùng nhau thương lượng giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của nhau; trong trường hợp không thương lượng được thì một trong hai bên có quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 9 CAM ĐOAN CỦA CÁC BÊN

Bên A và bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời cam đoan sau đây:

1. Bên A cam đoan

1.1. Những thông tin về nhân thân, về tài sản và thửa đất có tài sản đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;

1.2. Tài sản thuộc trường hợp được cho thuê tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật;

1.3. Tại thời điểm giao kết Hợp đồng này:

a) Tài sản thuê và thửa đất có tài sản không có tranh chấp;

b) Tài sản thuê và quyền sử dụng đất có tài sản không bị kê biên để bảo đảm thi hành án;

1.4. Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;

1.5. Thực hiện đúng và đầy đủ các thỏa thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

2. Bên B cam đoan

2.1. Những thông tin về nhân thân đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;

2.2. Đã xem xét kỹ, biết rõ về tài sản gắn liền với đất và thửa đất có tài sản nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này và các giấy tờ về quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, quyền sử dụng đất;

2.3. Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;

2.4. Thực hiện đúng và đầy đủ các thỏa thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

ĐIỀU (10)

.....

.....
.....
.....

ĐIỀU**ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG**

Hai bên đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của mình và hậu quả pháp lý của việc giao kết Hợp đồng này.

Bên A

(Ký và ghi rõ họ tên)(11)

Bên B

(Ký và ghi rõ họ tên)(11)

**LỜI CHỨNG CỦA CHỦ TỊCH/PHÓ CHỦ TỊCH
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN**

Ngày.....tháng.....năm..... (bằng chữ)
 tại(12),
 tôi, Chủ tịch/Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân
 xã/phường/thị trấn huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh
 tỉnh/thành phố

CHỨNG THỰC:

- Hợp đồng thuê tài sản gắn liền với đất được giao kết giữa bên A là.....
 và bên B là
; các bên đã tự nguyện
 thỏa thuận giao kết hợp đồng;

- Tại thời điểm chứng thực, các bên đã giao kết hợp đồng có năng lực hành vi dân sự phù hợp
 theo quy định của pháp luật;

- Nội dung thỏa thuận của các bên trong hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật,
 không trái đạo đức xã hội;

-
(13)

- Hợp đồng này được làm thành bản chính (mỗi bản chính gồm tờ,
 trang), giao cho:

+ Bên A bản chính;

+ Bên B bản chính;

Lưu tại Ủy ban nhân dân một bản chính.

Số....., quyền sốTP/CC-SCT/HĐGD.

CHỦ TỊCH/PHÓ CHỦ TỊCH
 (Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

Mẫu số 31/PYC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU YÊU CẦU CHỨNG THỰC HỢP ĐỒNG, VĂN BẢN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn.....

Họ và tên người nộp phiếu:.....

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại:

Email:

Số Fax:

Yêu cầu chứng thực về:

Các giấy tờ nộp kèm theo Phiếu này gồm có:

- 1.....
- 2.....
- 3.....
- 4.....
- 5.....
- 6.....
- 7.....
- 8.....
- 9.....
- 10.....

Thời gian nhận phiếu giờ, ngày...../...../.....

NGƯỜI NHẬN PHIẾU
(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI NỘP PHIẾU
(Ký và ghi rõ họ tên)

21. Thủ tục: Chứng thực văn bản phân chia tài sản thừa kế quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất.

- *Trình tự thực hiện:*

Bước 1: - Chuẩn bị đầy đủ các hồ sơ theo quy định.

Bước 2: - Nộp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ tại Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn (trong giờ hành chính từ thứ hai đến sáng thứ bảy hàng tuần).

- Cán bộ Ủy ban phường - xã, thị trấn kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của các giấy tờ

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ cán bộ tiếp nhận viết biên nhận trao cho người nộp.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì cán bộ tiếp nhận hướng dẫn một lần để người nộp hoàn thiện hồ sơ.

Bước 3: - Nhận kết quả giải quyết tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn (trong giờ hành chính từ thứ hai đến sáng thứ bảy hàng tuần).

- *Cách thức thực hiện:* Nộp trực tiếp tại trụ sở cơ quan hành chính Nhà nước.

- *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Bản chính và 02 bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
- 02 bản sao chứng minh nhân dân, hộ khẩu.
- 02 đơn đăng ký thừa kế quyền sử dụng đất.
- Di chúc (*bản chính + 02 bản sao*) thừa kế theo di chúc.
- Văn bản phân chia thừa kế di chúc (*bản chính + 02 bản sao*) thừa kế theo pháp luật.
- Bản án, quyết định giải quyết tranh chấp về thừa kế quyền sử dụng đất.
- Văn bản nhận tài sản thừa kế (người nhận thừa kế là duy nhất).
- Bản đồ hiện trạng vị trí (trường hợp đo vẽ mới).
- Tờ tường trình quan hệ nhân thân - giấy cam đoan.
- Giấy chứng tử người trong hàng thừa kế chết trước hoặc ngay khi lập thủ tục đăng ký thừa kế - giấy khai sinh - giấy đăng ký kết hôn.

b) Số lượng hồ sơ 01 (bộ)

- *Thời hạn giải quyết*: 05 ngày làm việc kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.
Không tính 30 ngày niêm yết.

- *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính*: Cá nhân.

- *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính*:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn.

- *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính*: văn bản xác nhận.

- *Lệ phí (nếu có)*: Không.

- *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm)*:

+ Văn bản phân chia tài sản thừa kế: (Mẫu 58/VBPC)

+ Văn bản nhận tài sản thừa kế: (Mẫu 59/VBN)

- Tờ tường trình quan hệ nhân thân

- Giấy cam đoan

- *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)*: Không.

- *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính*:

- Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai. Có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo.

- Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-BTP-BTNMT ngày 13 tháng 6 năm 2006 của Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn việc công chứng, chứng thực hợp đồng văn bản thực hiện quyền của người sử dụng đất.

- Thông tư liên tịch số 93/2001/TTLT/BTC-BTP ngày 21 tháng 11 năm 2001 của Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí công chứng, chứng thực. Có hiệu lực thi hành từ ngày 06 tháng 12 năm 2001.

Mẫu số 58/VBPC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

VĂN BẢN PHÂN CHIA TÀI SẢN THỪA KẾ

Chúng tôi gồm có:

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Chúng tôi là những người thừa kế theo (5) của ông/bà chết
ngày/...../..... theo Giấy chứng tử số do
Ủy ban nhân dân
cấp ngày/...../..... Chúng tôi thỏa thuận về việc phân chia tài sản thừa kế của ông/bà
..... để lại như sau (7):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Chúng tôi xin cam đoan:

- Những thông tin đã ghi trong Văn bản phân chia tài sản thừa kế này là đúng sự thật;
- Ngoài chúng tôi ra, ông/bà không còn người thừa kế nào khác;
- Văn bản phân chia tài sản thừa kế này do chúng tôi tự nguyện lập và việc phân chia tài sản thừa kế nêu trên không nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ tài sản của mình đối với người khác.

Những người thừa kế
(Ký và ghi rõ họ tên)

**LỜI CHỨNG CỦA CHỦ TỊCH/PHÓ CHỦ TỊCH
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN**

Ngày.....tháng.....năm..... (bằng chữ)
 tại(9),
 tôi, Chủ tịch/Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/phường/thị
 trấn huyện/quận/thị/xã/thành phố thuộc tỉnh
 tỉnh/thành phố

CHỨNG THỰC:

- Văn bản phân chia tài sản thừa kế này được lập giữa ông/bà

 và ông/bà; những người
 thừa kế đã tự nguyện thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế;
 - Tại thời điểm chứng thực, những người thừa kế đều có năng lực hành vi dân sự phù hợp theo
 quy định của pháp luật;
 - Sau khi thực hiện niêm yết nội dung phân chia tài sản thừa kế tại

 từ ngàytháng.....năm đến ngày thángnăm....., Ủy ban nhân dân
 không nhận được khiếu nại tố cáo nào;
 - Nội dung Văn bản phân chia tài sản thừa kế không vi phạm điều cấm của pháp luật, không
 trái đạo đức xã hội;
 -
(11)
- Văn bản phân chia tài sản thừa kế này được lập thành bản chính (mỗi bản chính
 gồm tờ,trang), giao cho:
 + bản chính;
 + bản chính;
 Lưu tại Ủy ban nhân dân một bản chính.
 Số....., quyền sốTP/CC-SCT/HĐGD.

CHỦ TỊCH/PHÓ CHỦ TỊCH
 (Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

**LỜI CHỨNG CỦA CHỦ TỊCH/PHÓ CHỦ TỊCH
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN**

Ngày.....tháng.....năm..... (bằng chữ)
 tại(9),
 tôi, Chủ tịch/Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân
 xã/phường/thị trấn huyện/quận/thị/xã/thành phố thuộc tỉnh
 tỉnh/thành phố

CHỨNG THỰC:

- Văn bản nhận tài sản thừa kế này do ông/bà
 lập;
- Tại thời điểm chứng thực, người nhận tài sản thừa kế có năng lực hành vi dân sự phù hợp theo quy định của pháp luật;
- Sau khi thực hiện niêm yết nội dung nhận tài sản thừa kế tại từ ngày
 tháng năm đến ngày tháng năm Ủy ban nhân dân không nhận được khiếu nại, tố cáo nào;
- Nội dung Văn bản nhận tài sản thừa kế không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội;
-
(12)
- Văn bản nhận tài sản thừa kế này được làm thành bản chính (mỗi bản chính
 gồm tờ,trang), giao cho người nhận tài sản thừa kế..... bản chính; lưu tại
 Ủy ban nhân dân một bản chính.

Số....., quyền sốTP/CC-SCT/HĐGD.

CHỦ TỊCH/PHÓ CHỦ TỊCH
 (Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

22. Thủ tục: Chứng thực hợp đồng thuê nhà ở và quyền sử dụng đất ở

- *Trình tự thực hiện:*

Bước 1: - Chuẩn bị đầy đủ các hồ sơ theo quy định.

Bước 2: - Nộp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ tại Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn (trong giờ hành chính từ thứ hai đến sáng thứ bảy hàng tuần).

- Cán bộ Tổ tiếp nhận và trả kết quả phường - xã, thị trấn kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của các giấy tờ

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ cán bộ tiếp nhận viết biên nhận trao cho người nộp.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì cán bộ tiếp nhận hướng dẫn một lần để người nộp hoàn thiện hồ sơ.

Bước 3: - Nhận kết quả giải quyết tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn (trong giờ hành chính từ thứ hai đến sáng thứ bảy hàng tuần).

- *Cách thức thực hiện:* Nộp trực tiếp hồ sơ tại trụ sở cơ quan hành chính Nhà nước.

- *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Phiếu yêu cầu chứng thực hợp đồng.
- Hợp đồng thuê theo luật định.
- Bản chính và 01 bản sao giấy chứng nhận.
- Chứng minh nhân dân và hộ khẩu.

b) Số lượng hồ sơ 01 bộ

- *Thời hạn giải quyết:* 03 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ

- *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*

- Cá nhân
- Tổ chức

- *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:* Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn.

- *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:* văn bản xác nhận

- *Lệ phí (nếu có):* Tùy theo giá trị hợp đồng

- *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm):*

• Hợp đồng thuê tài sản gắn liền với đất: Mẫu 46/HĐT;

• Phiếu yêu cầu chứng thực hợp đồng: Mẫu 31/PYC.

- *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):* Không

- *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:*

• Bộ Luật Dân sự 2005; Luật đất đai 2003; Luật Nhà ở 2005;

• Thông tư liên tịch số 93/2001/TTLT/BTC-BTP ngày 21 tháng 11 năm 2001 của Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí công chứng, chứng thực. Có hiệu lực thi hành từ ngày 06 tháng 12 năm 2001;

• Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-BTP-BTNMT ngày 13 tháng 6 năm 2006 của Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn việc công chứng, chứng thực hợp đồng văn bản thực hiện quyền của người sử dụng đất.

Mẫu số 31/PYC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU YÊU CẦU CHỨNG THỰC HỢP ĐỒNG, VĂN BẢN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn.....

Họ và tên người nộp phiếu:

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại:

Email:

Số Fax:

Yêu cầu chứng thực về:

.....

Các giấy tờ nộp kèm theo Phiếu này gồm có:

1.....

2.....

3.....

4.....

5.....

6.....

7.....

8.....

9.....

10.....

Thời gian nhận phiếu giờ, ngày...../...../.....

NGƯỜI NHẬN PHIẾU
(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI NỘP PHIẾU
(Ký và ghi rõ họ tên)

- Địa chỉ thửa đất:
- Diện tích: m² (bằng chữ:)
- Hình thức sử dụng:
- + Sử dụng riêng: m²
- + Sử dụng chung: m²
- Mục đích sử dụng:.....
- Thời hạn sử dụng:.....
- Nguồn gốc sử dụng:.....
- Những hạn chế về quyền sử dụng đất (nếu có):
-
- Giấy tờ về quyền sử dụng đất có:
- (2)

ĐIỀU 2 THỜI HẠN THUÊ

Thời hạn thuê tài sản nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này là,
kể từ ngày/...../.....

ĐIỀU 3 MỤC ĐÍCH THUÊ

Mục đích thuê tài sản nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này là:

.....

ĐIỀU 4 GIÁ THUÊ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

1. Giá thuê tài sản nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này là:đồng
(bằng chữ:.....đồng Việt Nam)

2. Phương thức thanh toán:

.....

3. Việc giao và nhận số tiền nêu tại khoản 1 Điều này do hai bên tự thực hiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

ĐIỀU 5 NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN A

1. Bên A có các nghĩa vụ sau đây:

- Giao tài sản nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này cho bên B vào thời điểm:.....

.....;

- Bảo đảm cho bên B sử dụng ổn định tài sản thuê trong thời hạn thuê;

- Bảo dưỡng, sửa chữa tài sản theo định kỳ hoặc theo thỏa thuận; nếu bên A không bảo dưỡng, sửa chữa mà gây thiệt hại cho bên B thì phải bồi thường.

2. Bên A có các quyền sau đây:

- Nhận đủ tiền thuê tài sản, theo phương thức đã thỏa thuận;

- Đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng nhưng phải báo cho bên B biết trước một tháng nếu bên B có một trong các hành vi sau đây:

+ Không trả tiền thuê tài sản liên tiếp trong ba tháng trở lên mà không có lý do chính đáng;

+ Sử dụng tài sản không đúng mục đích thuê;

+ Làm tài sản hư hỏng nghiêm trọng;

- + Sửa chữa, đổi hoặc cho người khác thuê lại toàn bộ hoặc một phần tài sản đang thuê mà không có sự đồng ý của bên A;
- + Làm mất trật tự công cộng nhiều lần và ảnh hưởng nghiêm trọng đến sinh hoạt bình thường của những người xung quanh;
- + Làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến vệ sinh môi trường;
- Cải tạo, nâng cấp tài sản cho thuê khi được bên B đồng ý, nhưng không được gây phiền hà cho bên B;
- Được lấy lại tài sản khi hết hạn Hợp đồng thuê.

ĐIỀU 6 NGHĨA VỤ VÀ QUYỀN CỦA BÊN B

1. Bên B có các nghĩa vụ sau đây:
 - Sử dụng tài sản đúng mục đích đã thỏa thuận;
 - Trả đủ tiền thuê tài sản, theo phương thức đã thỏa thuận;
 - Giữ gìn tài sản, sửa chữa những hư hỏng do mình gây ra;
 - Tôn trọng quy tắc sinh hoạt công cộng;
 - Trả tài sản cho bên A sau khi hết hạn Hợp đồng thuê.
2. Bên B có các quyền sau đây:
 - Nhận tài sản thuê theo đúng thỏa thuận;
 - Được cho thuê lại tài sản đang thuê, nếu được bên A đồng ý bằng văn bản;
 - Được tiếp tục thuê theo các điều kiện đã thỏa thuận với bên A, trong trường hợp thay đổi chủ sở hữu tài sản;
 - Được ưu tiên ký hợp đồng thuê tiếp, nếu đã hết hạn thuê mà tài sản vẫn dùng để cho thuê;
 - Yêu cầu bên A sửa chữa tài sản đang cho thuê trong trường hợp tài sản bị hư hỏng nặng.
 - Đơn phương đình chỉ thực hiện hợp đồng thuê tài sản nhưng phải báo cho bên A biết trước một tháng và yêu cầu bồi thường thiệt hại, nếu bên A có một trong các hành vi sau đây:
 - + Không sửa chữa tài sản khi chất lượng tài sản giảm sút nghiêm trọng;
 - + Tăng giá thuê tài sản bất hợp lý;
 - + Quyền sử dụng tài sản bị hạn chế do lợi ích của người thứ ba.

ĐIỀU 7 TRÁCH NHIỆM NỘP LỆ PHÍ

Lệ phí liên quan đến việc thuê tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng này do bên
chịu trách nhiệm nộp.

ĐIỀU 8 PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, nếu phát sinh tranh chấp, các bên cùng nhau thương lượng giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của nhau; trong trường hợp không thương lượng được thì một trong hai bên có quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 9 CAM ĐOAN CỦA CÁC BÊN

Bên A và bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời cam đoan sau đây:

1. Bên A cam đoan

1.1. Những thông tin về nhân thân, về tài sản và thửa đất có tài sản đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;

1.2. Tài sản thuộc trường hợp được cho thuê tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật;

1.3. Tại thời điểm giao kết Hợp đồng này:

a) Tài sản thuê và thửa đất có tài sản không có tranh chấp;

b) Tài sản thuê và quyền sử dụng đất có tài sản không bị kê biên để bảo đảm thi hành án;

1.4. Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;

1.5. Thực hiện đúng và đầy đủ các thỏa thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

2. Bên B cam đoan

2.1. Những thông tin về nhân thân đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;

2.2. Đã xem xét kỹ, biết rõ về tài sản gắn liền với đất và thửa đất có tài sản nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này và các giấy tờ về quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, quyền sử dụng đất;

2.3. Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;

2.4. Thực hiện đúng và đầy đủ các thỏa thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

ĐIỀU (10)

.....

.....
.....
.....

ĐIỀU**ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG**

Hai bên đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của mình và hậu quả pháp lý của việc giao kết Hợp đồng này.

Bên A

(Ký và ghi rõ họ tên)(11)

Bên B

(Ký và ghi rõ họ tên)(11)

**LỜI CHỨNG CỦA CHỦ TỊCH/PHÓ CHỦ TỊCH
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN**

Ngày.....tháng.....năm..... (bằng chữ)
 tại(12),
 tôi, Chủ tịch/Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân
 xã/phường/thị trấn huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh
 tỉnh/thành phố

CHỨNG THỰC:

- Hợp đồng thuê tài sản gắn liền với đất được giao kết giữa bên A là.....
 và bên B là
; các bên đã tự nguyện
 thỏa thuận giao kết hợp đồng;

- Tại thời điểm chứng thực, các bên đã giao kết hợp đồng có năng lực hành vi dân sự phù hợp
 theo quy định của pháp luật;

- Nội dung thỏa thuận của các bên trong hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật,
 không trái đạo đức xã hội;

-
(13)

- Hợp đồng này được làm thành bản chính (mỗi bản chính gồm tờ,
 trang), giao cho:

+ Bên A bản chính;

+ Bên B bản chính;

Lưu tại Ủy ban nhân dân một bản chính.

Số....., quyền sốTP/CC-SCT/HĐGD.

CHỦ TỊCH/PHÓ CHỦ TỊCH
 (Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

23. Thủ tục: Chứng thực Hợp đồng góp vốn bằng Quyền sử dụng đất; Hợp đồng góp vốn Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất

- *Trình tự thực hiện:*

Bước 1: - Chuẩn bị đầy đủ các hồ sơ theo quy định.

Bước 2: - Nộp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ tại Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn (trong giờ hành chính từ thứ hai đến sáng thứ bảy hàng tuần).

- Cán bộ Tổ tiếp nhận và trả kết quả phường - xã, thị trấn kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của các giấy tờ

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ cán bộ tiếp nhận viết biên nhận trao cho người nộp.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì cán bộ tiếp nhận hướng dẫn một lần để người nộp hoàn thiện hồ sơ.

Bước 3: - Nhận kết quả giải quyết tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn (trong giờ hành chính từ thứ hai đến sáng thứ bảy hàng tuần).

- *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp nộp tại trụ sở cơ quan hành chính Nhà nước.

- *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Phiếu yêu cầu chứng thực theo mẫu quy định;

- Dự thảo hợp đồng góp vốn bằng quyền sử dụng đất; Hợp đồng góp vốn quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (nếu có);

- Bản sao Chứng minh nhân dân/ hộ chiếu hoặc các giấy tờ tùy thân khác;

- Bản sao Chứng minh thẩm quyền của người đại diện (nếu là người đại diện);

- Bản sao giấy đăng ký hoạt động/ kinh doanh (đối với tổ chức);

- Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (trong trường hợp có tài sản gắn liền với đất thì còn phải xuất trình giấy tờ chứng minh quyền sở hữu đối với tài sản gắn liền với đất);

- Các Giấy tờ chứng minh tình trạng hôn nhân, tài sản chung, riêng của người có quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng.

- Các giấy tờ liên quan khác theo quy định của pháp luật

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

- Thời hạn giải quyết:

• Trong ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Nếu thời điểm nộp hồ sơ yêu cầu chứng thực sau 15 giờ thì việc chứng thực được thực hiện chậm nhất trong ngày làm việc tiếp theo.

• Trong trường hợp có tình tiết phức tạp thì không quá 03 ngày làm việc.

- *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*

• Cá nhân

• Tổ chức

- *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:*

• Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn.

• Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn.

- *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:* văn bản xác nhận

- *Lệ phí (nếu có):* không

• Lệ phí chứng thực: 50.000 đồng/ trường hợp

• Phí dịch vụ:

+ Soạn thảo văn bản: 20.000 đến 40.000/văn bản.

+ Đánh máy: 30.000/bộ

+ Sao lục hồ sơ lưu trữ: 15.000/hồ sơ

+ Việc công chứng, chứng thực thực hiện tại chỗ hoặc nơi có mặt của người có nhu cầu công chứng, chứng thực (không kể lệ phí công chứng, chứng thực):

➤ Trong phạm vi 10km: 50.000/lần đi.

➤ Từ 10 - 30km: 100.000/lần đi.

➤ Từ 30km trở lên: 200.000/lần đi.

➤ Ngoài ra người yêu cầu công chứng, chứng thực phải bảo đảm phương tiện đi lại, ăn ở (nếu ở lại qua đêm).

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm):

- Phiếu yêu cầu chứng thực- Mẫu số 31/PYC

- Dự thảo Góp vốn bằng Quyền sử dụng đất; Hợp đồng Góp vốn Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (nếu có)

- + Mẫu số 53/HĐGV

- + Mẫu số 54/HĐGV

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):

- Yêu cầu về điều kiện giao dịch có hiệu lực:

- + Người tham gia giao dịch có năng lực hành vi dân sự.

- + Mục đích và nội dung của giao dịch dân sự không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

- Yêu cầu khi nhận kết quả giải quyết:

Khi đến nhận kết quả, người yêu cầu chứng thực văn bản từ chối nhận di sản phải xuất trình biên nhận hồ sơ.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Bộ Luật Dân sự năm 2005.

- Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2000 của Chính phủ về công chứng, chứng thực.

- Điều 119 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ dương dẫn thi hành Luật Đất đai

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU YÊU CẦU CHỨNG THỰC HỢP ĐỒNG, VĂN BẢN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn.....

Họ và tên người nộp phiếu:.....

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại:

Email:

Số Fax:

Yêu cầu chứng thực về:

Các giấy tờ nộp kèm theo Phiếu này gồm có:

- 1.....
- 2.....
- 3.....
- 4.....
- 5.....
- 6.....
- 7.....
- 8.....
- 9.....
- 10.....

Thời gian nhận phiếu giờ, ngày...../...../.....

NGƯỜI NHẬN PHIẾU
(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI NỘP PHIẾU
(Ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG GÓP VỐN BẰNG QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

Chúng tôi gồm có:

Bên góp vốn (sau đây gọi là bên A) (1):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Bên nhận góp vốn (sau đây gọi là bên B) (1):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Các bên đồng ý thực hiện việc góp vốn bằng quyền sử dụng đất theo các thỏa thuận sau đây:

ĐIỀU 1
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT GÓP VỐN

Quyền sử dụng đất của bên A đối với thửa đất theo
.....(2),

cụ thể như sau:

- Thửa đất số:
 - Tờ bản đồ số:.....
 - Địa chỉ thửa đất:
 - Diện tích: m² (bằng chữ:)
 - Hình thức sử dụng:
 - + Sử dụng riêng: m²
 - + Sử dụng chung: m²
 - Mục đích sử dụng:.....
 - Thời hạn sử dụng:.....
 - Nguồn gốc sử dụng:.....
- Những hạn chế về quyền sử dụng đất (nếu có):
-

ĐIỀU 2
GIÁ TRỊ GÓP VỐN

Giá trị quyền sử dụng đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này là:.....
..... đồng
(bằng chữ:.....đồng Việt Nam)

ĐIỀU 3 THỜI HẠN GÓP VỐN

Thời hạn góp vốn bằng quyền sử dụng đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này là:
..... kể từ ngày/...../.....

ĐIỀU 4 MỤC ĐÍCH GÓP VỐN

Mục đích góp vốn bằng quyền sử dụng đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này là:
.....

ĐIỀU 5 VIỆC ĐĂNG KÝ GÓP VỐN VÀ NỘP LỆ PHÍ

1. Việc đăng ký góp vốn tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật do bên chịu trách nhiệm thực hiện.
2. Lệ phí liên quan đến việc góp vốn bằng quyền sử dụng đất theo Hợp đồng này do bên chịu trách nhiệm nộp.

ĐIỀU 6 PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, nếu phát sinh tranh chấp, các bên cùng nhau thương lượng giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của nhau; trong trường hợp không giải quyết được, thì một trong hai bên có quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 7 CAM ĐOAN CỦA CÁC BÊN

1. Bên A cam đoan:
 - 1.1. Những thông tin về nhân thân, thửa đất đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;
 - 1.2. Thửa đất thuộc trường hợp được góp vốn bằng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật;
 - 1.3. Tại thời điểm giao kết Hợp đồng này:
 - a) Thửa đất không có tranh chấp;
 - b) Quyền sử dụng đất không bị kê biên để bảo đảm thi hành án;
 - 1.4. Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;
 - 1.5. Thực hiện đúng và đầy đủ các thỏa thuận đã ghi trong Hợp đồng này.
2. Bên B cam đoan:
 - 2.1. Những thông tin về nhân thân đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;
 - 2.2. Đã xem xét kỹ, biết rõ về thửa đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này và các giấy tờ về quyền sử dụng đất;
 - 2.3. Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;
 - 2.4. Thực hiện đúng và đầy đủ các thỏa thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

ĐIỀU (10)

.....

.....

ĐIỀU
ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Hai bên đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của mình và hậu quả pháp lý của việc giao kết Hợp đồng này.

Bên A
 (Ký và ghi rõ họ tên) (11)

Bên B
 (Ký và ghi rõ họ tên) (11)

LỜI CHỨNG CỦA CHỦ TỊCH/PHÓ CHỦ TỊCH
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN

Ngày.....tháng.....năm..... (bằng chữ)
 tại(12),
 tôi, Chủ tịch/Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân
 xã/phường/thị trấn huyện/quận/thị/xã/thành phố thuộc tỉnh
 tỉnh/thành phố

CHỨNG THỰC:

- Hợp đồng góp vốn bằng quyền sử dụng đất được giao kết giữa bên A là
 và bên B là
; các bên đã tự nguyện thỏa
 thuận giao kết hợp đồng;

- Tại thời điểm chứng thực, các bên đã giao kết hợp đồng có năng lực hành vi dân sự phù hợp
 theo quy định của pháp luật;

- Nội dung thỏa thuận của các bên trong hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật,
 không trái đạo đức xã hội;

-

.....(13)

- Hợp đồng này được làm thành bản chính (mỗi bản chính gồm tờ, trang),
 giao cho:

+ Bên A bản chính;

+ Bên B bản chính;

Lưu tại Ủy ban nhân dân một bản chính.

Số....., quyền số TP/CC-SCT/HĐGD.

CHỦ TỊCH/PHÓ CHỦ TỊCH
 (Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG GÓP VỐN BẰNG TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

Chúng tôi gồm có:

Bên góp vốn (sau đây gọi là bên A) (1):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Bên nhận góp vốn (sau đây gọi là bên B) (1):

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

Các bên đồng ý thực hiện việc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất theo các thỏa thuận sau đây:

**ĐIỀU 1
TÀI SẢN GÓP VỐN**

Tài sản thuộc quyền sở hữu của bên A theo
..... (4),

cụ thể như sau (3):

.....
.....
.....
.....
.....

..... nêu trên là tài sản gắn liền với thửa đất sau:

- Tên người sử dụng đất:
- Thửa đất số:
- Tờ bản đồ số:.....
- Địa chỉ thửa đất:
- Diện tích: m² (bằng chữ:))
- Hình thức sử dụng:
 - + Sử dụng riêng:m²
 - + Sử dụng chung:m²
- Mục đích sử dụng:.....

- Thời hạn sử dụng:.....
 - Nguồn gốc sử dụng:.....
 Những hạn chế về quyền sử dụng đất (nếu có):

 Giấy tờ về quyền sử dụng đất có:
 (2)

ĐIỀU 2 GIÁ TRỊ GÓP VỐN

Giá trị tài sản nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này là:đồng
 (bằng chữ:.....đồng Việt Nam)

ĐIỀU 3 THỜI HẠN GÓP VỐN

Thời hạn góp vốn bằng tài sản nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này là:.....
 kể từ ngày/...../.....

ĐIỀU 4 MỤC ĐÍCH GÓP VỐN

Mục đích góp vốn bằng tài sản nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này là:

ĐIỀU 5 VIỆC ĐĂNG KÝ GÓP VỐN VÀ NỘP LỆ PHÍ

1. Việc đăng ký góp vốn tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật do bên chịu trách nhiệm thực hiện.
2. Lệ phí liên quan đến việc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng này do bên chịu trách nhiệm nộp.

ĐIỀU 6 PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, nếu phát sinh tranh chấp, các bên cùng nhau thương lượng giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của nhau; trong trường hợp không giải quyết được thì một trong hai bên có quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 7 CAM ĐOAN CỦA CÁC BÊN

1. Bên A cam đoan:
 - 1.1. Những thông tin về nhân thân, về tài sản đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;
 - 1.2. Tài sản thuộc trường hợp được góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật;
 - 1.3. Tại thời điểm giao kết Hợp đồng này:
 - a) Tài sản và thửa đất có tài sản không có tranh chấp;
 - b) Tài sản và quyền sử dụng đất có tài sản không bị kê biên để bảo đảm thi hành án;

- 1.4. Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;
- 1.5. Thực hiện đúng và đầy đủ các thỏa thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

2. Bên B cam đoan:

- 2.1. Những thông tin về nhân thân đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;
- 2.2. Đã xem xét kỹ, biết rõ về tài sản gắn liền với đất, thửa đất có tài sản nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này và các giấy tờ về quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất, quyền sử dụng đất;
- 2.3. Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;
- 2.4. Thực hiện đúng và đầy đủ các thỏa thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

ĐIỀU (10)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**ĐIỀU
ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG**

Hai bên đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của mình và hậu quả pháp lý của việc giao kết Hợp đồng này.

Bên A
(Ký và ghi rõ họ tên) (11)

Bên B
(Ký và ghi rõ họ tên) (11)

**LỜI CHỨNG CỦA CHỦ TỊCH/PHÓ CHỦ TỊCH
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN**

Ngày.....tháng.....năm..... (bằng chữ)
 tại(12),
 tôi, Chủ tịch/Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân
 xã/phường/thị trấn huyện/quận/thị/xã/thành phố thuộc tỉnh
 tỉnh/thành phố

CHỨNG THỰC:

- Hợp đồng góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất được giao kết giữa bên A là
 và bên B
 là; các bên đã tự nguyện
 thỏa thuận giao kết hợp đồng;

- Tại thời điểm chứng thực, các bên đã giao kết hợp đồng có năng lực hành vi dân sự phù hợp
 theo quy định của pháp luật;

- Nội dung thỏa thuận của các bên trong hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật,
 không trái đạo đức xã hội;

-
(13)

- Hợp đồng này được làm thành bản chính (mỗi bản chính gồm tờ,
 trang), giao cho:

+ Bên A bản chính;

+ Bên B bản chính;

Lưu tại Ủy ban nhân dân một bản chính.

Số....., quyền sốTP/CC-SCT/HĐGD.

CHỦ TỊCH/PHÓ CHỦ TỊCH
 (Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

24. Thủ tục: Chứng thực hoặc chứng thực lại Hợp đồng hợp tác của Tổ hợp tác.

- *Trình tự thực hiện:*

Bước 1: - Chuẩn bị đầy đủ các hồ sơ theo quy định.

Bước 2: - Nộp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ tại Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn (trong giờ hành chính từ thứ hai đến sáng thứ bảy hàng tuần).

- Cán bộ Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của các giấy tờ

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ cán bộ tiếp nhận viết biên nhận trao cho người nộp.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì cán bộ tiếp nhận hướng dẫn một lần để người nộp hoàn thiện hồ sơ.

Bước 3: - Nhận kết quả giải quyết tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn (trong giờ hành chính từ thứ hai đến sáng thứ bảy hàng tuần).

- *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp nộp tại trụ sở cơ quan hành chính Nhà nước.

- *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Phiếu yêu cầu chứng thực theo mẫu quy định;
- Dự thảo Hợp đồng hợp tác (nếu có);
- Bản sao Chứng minh nhân dân/ hộ chiếu hoặc các giấy tờ tùy thân khác;
- Bản sao giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng hoặc bản sao giấy tờ thay thế được pháp luật quy định đối với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng;
- Giấy tờ chứng minh tình trạng hôn nhân, tài sản chung, riêng của người có quyền sử dụng đất mà pháp luật quy định đối với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng;
- Giấy tờ chứng minh tình trạng hôn nhân, tài sản chung, riêng của người có quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với tài sản mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sở hữu, quyền sử dụng.
- Các giấy tờ liên quan khác theo quy định của pháp luật

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ).

- *Thời hạn giải quyết:*

Không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:*

- Cá nhân
- Tổ chức

- *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:* Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn.

- *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:* Văn bản xác nhận

- *Lệ phí (nếu có):*

• Lệ phí chứng thực: 20.000 đồng/trường hợp

• Phí dịch vụ:

+ Soạn thảo văn bản : 20.000 đến 40.000 đồng văn bản.

+ Đánh máy : 30.000/bộ

+ Sao lục hồ sơ lưu trữ: 15.000 đồng/hồ sơ

+ Việc công chứng, chứng thực thực hiện tại chỗ hoặc nơi có mặt của người có nhu cầu công chứng, chứng thực (không kể lệ phí công chứng, chứng thực):

Trong phạm vi 10km: 50.000 đồng/lần đi

Từ 10 - 30km: 100.000 đồng/lần đi

Từ 30km trở lên: 200.000 đồng/lần đi

Ngoài ra người yêu cầu công chứng, chứng thực phải bảo đảm phương tiện đi lại, ăn ở (nếu ở lại qua đêm).

- *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm):* Phiếu yêu cầu chứng thực (Mẫu số 31/PYC).

- *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):*

• Yêu cầu về điều kiện giao dịch có hiệu lực:

+ Người tham gia giao dịch có năng lực hành vi dân sự.

+ Mục đích và nội dung của giao dịch dân sự không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

- Yêu cầu khi nhận kết quả giải quyết:

Khi đến nhận kết quả, người yêu cầu chứng thực văn bản từ chối nhận di sản phải xuất trình biên nhận hồ sơ.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Bộ Luật Dân sự năm 2005.
- Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2000 của Chính phủ về công chứng, chứng thực.
- Nghị định số 151/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của tổ hợp tác.
- Thông tư số 03/2001/TT-BTP ngày 14 tháng 3 năm 2001 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị định 75/2000 của Chính phủ về công chứng, chứng thực.
- Thông tư số 04/2008/TT-BKH ngày 09 tháng 7 năm 2008 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 151/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Tổ hợp tác
- Thông tư liên tịch số 93/2001/TTLT/BTC-BTP ngày 21 tháng 11 năm 2001 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp về hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí công chứng, chứng thực.
- Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT-BTP-BTNMT ngày 13 tháng 6 năm 2006 của Bộ Tư pháp và Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn công chức, chứng thực hợp đồng, văn bản thực hiện quyền của người sử dụng đất.
- Quyết định số 228/2004/QĐ-UB ngày 06 tháng 10 năm 2004 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành mức thu phí dịch vụ công chứng, chứng thực tại thành phố Hồ Chí Minh.

Mẫu số 31/PYC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU YÊU CẦU CHỨNG THỰC HỢP ĐỒNG, VĂN BẢN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn.....

Họ và tên người nộp phiếu:

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại:

Email:

Số Fax:

Yêu cầu chứng thực về:

.....

Các giấy tờ nộp kèm theo Phiếu này gồm có:

1.

2.

3.

4.

5.

6.

7.

8.

9.

10.

Thời gian nhận phiếu giờ, ngày...../...../.....

NGƯỜI NHẬN PHIẾU
(Ký và ghi rõ họ tên)

NGƯỜI NỘP PHIẾU
(Ký và ghi rõ họ tên)

25. Thủ tục: Công chứng, chứng thực hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp giữa 02 hộ gia đình, cá nhân.

- *Trình tự thực hiện:*

Bước 1: - Chuẩn bị đầy đủ các hồ sơ theo quy định.

Bước 2: - Nộp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ tại Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn (trong giờ hành chính từ thứ hai đến sáng thứ bảy hàng tuần).

- Cán bộ Tổ tiếp nhận và trả kết quả phường - xã, thị trấn kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của các giấy tờ

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ cán bộ tiếp nhận viết biên nhận trao cho người nộp.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì cán bộ tiếp nhận hướng dẫn một lần để người nộp hoàn thiện hồ sơ.

Bước 3: - Nhận kết quả giải quyết tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn (trong giờ hành chính từ thứ hai đến sáng thứ bảy hàng tuần).

- *Cách thức thực hiện:*

Trực tiếp nộp hồ sơ tại trụ sở cơ quan hành chính Nhà nước.

- *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình cá nhân (theo mẫu).

- Chứng minh nhân dân, hộ khẩu của hai hộ gia đình cá nhân (bản sao có công chứng thị thực).

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có chứng nhận của công chứng nhà nước hoặc chứng thực của Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn (trong trường hợp chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất); hoặc một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 50 của Luật Đất Đai như sau:

+ Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ổn định, được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận không có tranh chấp mà có một trong các loại giấy tờ sau đây thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không phải nộp tiền sử dụng đất:

➤ Những giấy tờ về quyền được sử dụng đất đai trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 do cơ quan có thẩm quyền cấp trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

➤ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tạm thời được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp hoặc có tên trong sổ đăng ký ruộng đất, sổ địa chính;

➤ Giấy tờ hợp pháp về thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất hoặc tài sản gắn liền với đất; giấy tờ giao nhà tình nghĩa gắn liền với đất;

➤ Giấy tờ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua bán nhà ở gắn liền với đất ở trước ngày 15 tháng 10 năm 1993, nay được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận là đã sử dụng trước ngày 15 tháng 10 năm 1993;

➤ Giấy tờ về thanh lý, hoá giá nhà ở gắn liền với đất ở theo quy định của pháp luật;

➤ Giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền thuộc chế độ cũ cấp cho người sử dụng đất.

+ Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất có một trong các loại giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều này mà trên giấy tờ đó ghi tên người khác, kèm theo giấy tờ về việc chuyển quyền sử dụng đất có chữ ký của các bên có liên quan, nhưng đến trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật, nay được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận là đất không có tranh chấp thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không phải nộp tiền sử dụng đất.

+ Hộ gia đình, cá nhân được sử dụng đất theo bản án hoặc quyết định của Tòa án nhân dân, quyết định thi hành án của cơ quan thi hành án, quyết định giải quyết tranh chấp đất đai của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã được thi hành thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.

• Trường hợp chuyển đổi một phần thửa đất thì phải kèm theo bản trích đo khu đất (nếu có).

b) Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

- Thời hạn giải quyết:

Trong thời gian không quá 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp có tình tiết phức tạp thì không quá năm (05) ngày làm việc.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân.

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn;
- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: giấy xác nhận
- Lệ phí (nếu có): Không.

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm): Hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình cá nhân (mẫu số 35/HĐCĐ).

- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Văn bản ủy quyền (nếu có) mẫu số 56/HĐ-UQ theo Thông tư số 04/2006/TTLT/BTP-BTNMT ngày 13 tháng 6 năm 2006.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003 có hiệu lực ngày 01 tháng 7 năm 2004.
- Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai.
- Nghị định số 17/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.
- Nghị định số 75/2000/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2000 của Chính phủ về công chứng, chứng thực.
- Thông tư liên tịch số 04/2006/TTLT/BTP-BTNMT ngày 13 tháng 6 năm 2006 của Bộ Tư pháp - Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc công chứng, chứng thực hợp đồng, văn bản thực hiện quyền của người sử dụng đất.
- Quyết định số 19/2009/QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh quy định diện tích đất tối thiểu sau khi tách thửa.
- Công văn số 2116/TNMT-ĐKKTD ngày 31 tháng 3 năm 2009 của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh về hướng dẫn áp dụng Quyết định số 19/2009/QĐ-UBND ngày 25 tháng 02 năm 2009.

- Nguồn gốc sử dụng:.....
 Những hạn chế về quyền sử dụng đất (nếu có):
-
 Giá trị quyền sử dụng đất do hai bên thỏa thuận là:đồng
 (bằng chữ:đồng Việt Nam).
2. Quyền sử dụng đất của bên B đối với thửa đất theo
(2),
 cụ thể như sau:
 - Thửa đất số:
 - Tờ bản đồ số:.....
 - Địa chỉ thửa đất:
 - Diện tích: m² (bằng chữ:)
 - Hình thức sử dụng:
 + Sử dụng riêng: m²
 + Sử dụng chung: m²
 - Mục đích sử dụng:.....
 - Thời hạn sử dụng:.....
 - Nguồn gốc sử dụng:.....
 Những hạn chế về quyền sử dụng đất (nếu có):
-
 Giá trị quyền sử dụng đất do hai bên thỏa thuận là:đồng
 (bằng chữ:đồng Việt Nam).
3. Chênh lệch về giá trị quyền sử dụng đất là:đồng
 (bằng chữ:đồng Việt Nam).

ĐIỀU 2 VIỆC GIAO VÀ ĐĂNG KÝ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

1. Các bên chuyển đổi có nghĩa vụ giao các thửa đất nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này cùng với giấy tờ về quyền sử dụng đất cho nhau vào thời điểm
-
 2. Các bên chuyển đổi có nghĩa vụ đăng ký quyền sử dụng đất đối với các thửa đất chuyển đổi tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 3 THANH TOÁN CHÊNH LỆCH VỀ GIÁ TRỊ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

1. Bên trả cho bên khoản chênh lệch về giá trị quyền sử dụng đất nêu tại khoản 3 Điều 1 của Hợp đồng này.
2. Phương thức thanh toán:
-
 3. Việc thanh toán khoản chênh lệch về giá trị nêu tại khoản 3 Điều 1 của Hợp đồng này do hai bên tự thực hiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

ĐIỀU 4 TRÁCH NHIỆM NỘP LỆ PHÍ

- Lệ phí liên quan đến việc chuyển đổi quyền sử dụng đất theo Hợp đồng này do:
- Bên A chịu trách nhiệm nộp
 - Bên B chịu trách nhiệm nộp

ĐIỀU 5
PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, nếu phát sinh tranh chấp, các bên cùng nhau thương lượng giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của nhau; trong trường hợp không giải quyết được thì một trong hai bên có quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 6
CAM ĐOAN CỦA CÁC BÊN

Bên A và bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời cam đoan sau đây:

1. Những thông tin về nhân thân, về thửa đất đã ghi trong Hợp đồng này là đúng sự thật;
2. Thửa đất thuộc trường hợp được chuyển đổi quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật;
3. Đã xem xét kỹ, biết rõ về thửa đất nhận chuyển đổi nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này và các giấy tờ về quyền sử dụng đất;
4. Tại thời điểm giao kết Hợp đồng này:
 - 4.1. Thửa đất không có tranh chấp;
 - 4.2. Quyền sử dụng đất không bị kê biên để bảo đảm thi hành án;
5. Việc giao kết Hợp đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;
6. Thực hiện đúng và đầy đủ các thỏa thuận đã ghi trong Hợp đồng này.

ĐIỀU (10)

.....
.....
.....
.....

ĐIỀU
ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Hai bên đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của mình và hậu quả pháp lý của việc giao kết Hợp đồng này.

Bên A
(Ký và ghi rõ họ tên)(11)

Bên B
(Ký và ghi rõ họ tên)(11)

**LỜI CHỨNG CỦA CHỦ TỊCH/PHÓ CHỦ TỊCH
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẤN**

Ngày.....tháng.....năm..... (bằng chữ)
 tại(12),
 tôi, Chủ tịch/Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân
 xã/phường/thị trấn huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh
 tỉnh/thành phố

CHỨNG THỰC:

- Hợp đồng chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân được giao kết giữa bên A là và bên B là; các bên đã tự nguyện thỏa thuận giao kết hợp đồng;

- Tại thời điểm chứng thực, các bên đã giao kết hợp đồng có năng lực hành vi dân sự phù hợp theo quy định của pháp luật;

- Nội dung thỏa thuận của các bên trong hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội;

-
(13)

- Hợp đồng này được làm thành bản chính (mỗi bản chính gồm tờ, trang), giao cho:

+ Bên A bản chính;

+ Bên B bản chính;

Lưu tại Ủy ban nhân dân một bản chính.

Số....., quyển sốTP/CC-SCT/HĐGD.

CHỦ TỊCH/PHÓ CHỦ TỊCH
 (Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

XVII. LĨNH VỰC HÀNH CHÍNH TƯ PHÁP

1. Thủ tục: Bổ sung, cải chính sổ đăng ký khai sinh và giấy khai sinh của người con trong việc nhận cha, mẹ.

- *Trình tự thực hiện:*

Bước 1: Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định.

Bước 2: Nộp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ tại Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn (trong giờ hành chính từ thứ hai đến sáng thứ bảy hàng tuần).

- Khi nhận hồ sơ Bổ sung, cải chính sổ đăng ký khai sinh và giấy khai sinh của người con trong việc nhận cha, mẹ, con; Cán bộ Tư pháp - Hộ tịch phường - xã, thị trấn kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của các giấy tờ trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì thực hiện cho người dân;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn đương sự hoàn thiện hồ sơ.

Bước 3: Nhận kết quả giải quyết tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn (trong giờ hành chính từ thứ hai đến sáng thứ bảy hàng tuần).

- *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp nộp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

• Tờ khai đăng ký việc thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính;

• Bản chính Giấy khai sinh của người cần ghi bổ sung;

• Quyết định công nhận cha, mẹ con.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- *Thời hạn giải quyết:*

• Trong 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận yêu cầu;

• Trong trường hợp cần xác minh thì thời hạn trên có thể kéo dài nhưng không quá 05 ngày làm việc.

- *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Cá nhân

- *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:* Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn.

- *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính*: Quyết định hành chính

- *Lệ phí (nếu có)*: 10.000 đồng/trường hợp.

- *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm)*: Tờ khai đăng ký việc thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính (Mẫu STP/HT-2006-TĐCC.1)

- *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)*: Căn cứ vào Quyết định công nhận việc cha, mẹ, con, Ủy ban nhân dân cấp xã, nơi đã đăng ký khai sinh cho người con ghi vào bổ sung phần khai về cha, mẹ trong Sổ đăng ký khai sinh và bản chính giấy khai sinh của người con, nếu phần cha, mẹ, trước đây để trống

- *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính*: Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Bộ Luật Dân sự năm 2005; Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch; Thông tư số 01/2008/TT-BTP ngày 02 tháng 6 năm 2008 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định 158/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch; Quyết định số 103/2007/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành biểu mức thu lệ phí đăng ký hộ tịch trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Mẫu STP/HT-2006-TĐCC.1
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ VIỆC THAY ĐỔI, CẢI CHÍNH, BỔ SUNG
HỘ TỊCH, XÁC ĐỊNH LẠI DÂN TỘC, XÁC ĐỊNH LẠI GIỚI TÍNH

Kính gửi:

Họ và tên người khai:
Nơi thường trú/tạm trú:
Số Giấy CMND/Hộ chiếu:.....
Quan hệ với người được thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch/xác định lại dân tộc/xác định lại giới tính:.....
Đề nghị đăng ký việc (1)
..... cho người có tên dưới đây:
Họ và tên: Giới tính:.....
Ngày, tháng, năm sinh:.....
Nơi sinh:.....
Dân tộc:..... Quốc tịch:.....
Nơi thường trú/tạm trú:
Đã đăng ký khai sinh tại: ngày..... tháng..... năm.....
Theo Giấy khai sinh số:..... Quyền số:.....
Nội dung thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch/xác định lại dân tộc/xác định lại giới tính:.....
Lý do

Tôi cam đoan lời khai trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.
Đề nghị đăng ký.

Làm tại.....ngày ... tháng....năm...

Ý kiến của người được thay đổi họ, tên
(nếu người đó từ đủ 9 tuổi trở lên);
xác định lại dân tộc (nếu người đó
từ đủ 15 tuổi đến dưới 18 tuổi)

Người khai

.....
.....
.....

(QĐ số: 01/2006/QĐ-BTP) STP

2. Thủ tục: Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch

- *Trình tự thực hiện:*

Bước 1: - Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định.

Bước 2: - Nộp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ tại Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn (trong giờ hành chính từ thứ hai đến sáng thứ bảy hàng tuần).

- Khi nhận hồ sơ Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch, Cán bộ Tư pháp - Hộ tịch phường - xã, thị trấn kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của các giấy tờ trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì thực hiện cho người dân;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn đương sự hoàn thiện hồ sơ.

Bước 3: - Nhận kết quả giải quyết tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn (trong giờ hành chính từ thứ hai đến sáng thứ bảy hàng tuần).

- *Cách thức thực hiện:*

- Trực tiếp nộp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước;
- Nộp hồ sơ thông qua hệ thống bưu chính

- *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Bản photo của giấy tờ hộ tịch cần cấp bản sao.
- Tờ khai yêu cầu trích lục hộ tịch (trường hợp không còn lưu trữ bản sao, bản photo giấy tờ hộ tịch cần cấp bản sao) (Theo mẫu).
- Chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc các giấy tờ tùy thân khác.
- Giấy tờ chứng minh là người có quyền yêu cầu cấp bản sao (đối với trường hợp người yêu cầu cấp bản sao từ sổ gốc là người đại diện hợp pháp, người được ủy quyền của người được cấp bản chính hoặc cha, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột, người thừa kế của người được cấp bản chính trong trường hợp người đó đã chết).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- *Thời hạn giải quyết:*

- Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu;

• Trong trường hợp yêu cầu được gửi qua đường bưu điện thì chậm nhất là trong ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày được nhận yêu cầu (theo dấu ngày đến của bưu điện), cơ quan cấp bản sao phải gửi bản sao cho người yêu cầu (người yêu cầu cấp bản sao qua bưu điện phải trả lệ phí cấp bản sao và cước phí bưu điện cho cơ quan, tổ chức cấp bản sao).

- *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính*: Cá nhân

- *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính*: Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn.

- *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính*: Bản sao các giấy tờ hộ tịch

- *Lệ phí (nếu có)*: 2.000 đồng /bản sao

- *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm)*: Tờ khai yêu cầu trích lục hộ tịch

- *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)*:

• Người được cấp bản chính;

• Người đại diện hợp pháp, người được ủy quyền của người được cấp bản chính;

• Cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột, người thừa kế của người được cấp bản chính trong trường hợp người đó đã chết;

• Giấy khai sinh, giấy chứng tử, giấy chứng nhận kết hôn đăng ký đúng hạn tại Ủy ban nhân dân phường từ năm 1989 đến năm 1997;

• Giấy khai sinh, giấy chứng tử, giấy chứng nhận kết hôn đăng ký đúng hạn, quá hạn tại Ủy ban nhân dân phường từ năm 1997 đến nay.

- *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính*: Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch; Thông tư số 01/2008/TT-BTP ngày 02 tháng 6 năm 2008 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định 158/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch; Quyết định số 103/2007/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành biểu mức thu lệ phí đăng ký hộ tịch trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

3. Thủ tục: Cấp bản sao từ sổ gốc

- *Trình tự thực hiện:*

Bước 1: - Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định.

Bước 2: - Nộp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ tại Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn (trong giờ hành chính từ thứ hai đến sáng thứ bảy hàng tuần).

- Khi nhận hồ sơ Cấp bản sao từ sổ gốc, Cán bộ Tư pháp - Hộ tịch phường- xã, thị trấn kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của các giấy tờ trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì chứng thực cho người dân;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn đương sự hoàn thiện hồ sơ.

Bước 3: - Nhận kết quả giải quyết tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn (trong giờ hành chính từ thứ hai đến sáng thứ bảy hàng tuần).

- *Cách thức thực hiện:*

• Trực tiếp nộp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước;

• Nộp hồ sơ thông qua hệ thống bưu chính

- *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

• Tờ khai yêu cầu trích lục;

• CMND/Hộ chiếu hoặc các giấy tờ tùy thân khác;

• Giấy tờ chứng minh của người có quyền yêu cầu cấp bản sao từ sổ gốc (đối với trường hợp người yêu cầu cấp bản sao từ sổ gốc là người đại diện hợp pháp, người được ủy quyền của người được cấp bản chính hoặc cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột, người thừa kế của người được cấp bản chính trong trường hợp người đó đã chết).

• Trong trường hợp yêu cầu cấp bản sao từ sổ gốc qua bưu điện thì người yêu cầu phải gửi đầy đủ các giấy tờ nêu trên (bản chính hoặc bản sao có chứng thực).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- Thời hạn giải quyết:

• Ngay trong ngày tiếp nhận yêu cầu;

• Trong trường hợp yêu cầu được gửi qua đường bưu điện thì chậm nhất là trong ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày được nhận yêu cầu (theo dấu ngày đến của bưu điện), cơ quan cấp bản sao phải gửi bản sao cho người yêu cầu (người yêu cầu cấp bản sao qua bưu điện phải trả lệ phí cấp bản sao và cước phí bưu điện cho cơ quan, tổ chức cấp bản sao).

- *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Cá nhân

- *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:* Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn

- *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:* Bản sao từ sổ gốc

- *Lệ phí (nếu có):* 2.000 đồng/bản sao

- *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm):* Tờ khai yêu cầu trích lục

- *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):*

• Người được cấp bản chính;

• Người đại diện hợp pháp, người được ủy quyền của người được cấp bản chính;

• Cha, mẹ, con, vợ, chồng, anh, chị, em ruột, người thừa kế của người được cấp bản chính trong trường hợp người đó đã chết.

- *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:*

• Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký;

• Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch.

• Thông tư số 01/2008/TT-BTP ngày 02 tháng 6 năm 2008 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định 158/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch;

• Thông tư số 03/2008/TT-BTP ngày 25 tháng 8 năm 2008 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 79/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký.

• Thông tư liên tịch số 93/2001/TTLT-BTC-BTP ngày 21 tháng 11 năm 2001 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp về hướng dẫn chế độ thu, nộp và sử dụng phí, lệ phí công chứng, chứng thực;

• Thông tư liên tịch số 92/2008/TTLT-BTC-BTP ngày 17 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp về hướng dẫn về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp bản sao, lệ phí chứng thực.

• Quyết định số 228/2004/QĐ-UB ngày 06 tháng 10 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành mức phí dịch vụ công chứng, chứng thực tại thành phố Hồ Chí Minh.

• Chỉ thị số 17/2007/CT-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về triển khai thực hiện Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký trên địa bàn thành phố.

4. Thủ tục: Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân

- *Trình tự thực hiện:*

Bước 1: - Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định.

Bước 2: - Nộp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ tại Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn (trong giờ hành chính từ thứ hai đến sáng thứ bảy hàng tuần).

- Khi nhận hồ sơ Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, Cán bộ Tư pháp - Hộ tịch phường - xã, thị trấn kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của các giấy tờ trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì thực hiện cho người dân;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn đương sự hoàn thiện hồ sơ.

Bước 3: - Nhận kết quả giải quyết tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND phường - xã, thị trấn (trong giờ hành chính từ thứ hai đến sáng thứ bảy hàng tuần).

- *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp nộp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

- *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

• Tờ khai cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân;

• Trích lục bản án hoặc quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án về việc ly hôn hoặc bản sao giấy chứng tử (trường hợp người yêu cầu cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân đã có vợ, có chồng nhưng đã ly hôn, hoặc người kia đã chết);

• Chứng minh nhân dân, hộ khẩu của người yêu cầu xác nhận tình trạng hôn nhân;

• Đơn cam kết về việc chịu trách nhiệm về tình trạng hôn nhân của mình (áp dụng đối với người đã cư trú nhiều nơi và không có điều kiện để xác nhận tình trạng hôn nhân ở những địa phương đó).

- *Thời hạn giải quyết:*

• Ngay trong ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận yêu cầu;

• Trường hợp cần xác minh thì thời hạn trên có thể kéo dài nhưng không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận yêu cầu.

- *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Cá nhân

- *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:* Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn.

- *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:* giấy xác nhận

- *Lệ phí (nếu có):* 3.000 đồng/trường hợp.

- *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm):*

• Tờ khai cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân (dùng cho công dân VN cư trú ở trong nước): STP/HT-2006-XNHN.1;

• Tờ khai cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân (dùng cho công dân VN đang cư trú ở nước ngoài): STP/HT-2006-XNHN.2;

• Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân (dùng cho công dân VN cư trú ở trong nước): STP/HT-2006-XNHN.3;

• Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân (dùng cho công dân VN đang cư trú ở nước ngoài): STP/HT-2006-XNHN.4.

- *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):* Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân có giá trị 06 tháng kể từ ngày xác nhận.

- *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:*

• Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

• Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch;

• Thông tư số 01/2008/TT-BTP ngày 02 tháng 6 năm 2008 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch;

• Quyết định số 103/2007/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành biểu mức thu lệ phí đăng ký hộ tịch trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Mẫu STP/HT-2006-XNHN.1
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI CẤP GIẤY XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG HÔN NHÂN
(DÙNG CHO CÔNG DÂN VIỆT NAM CƯ TRÚ Ở TRONG NƯỚC)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân.....

Họ và tên người khai:

Dân tộc:..... Quốc tịch:.....

Nơi thường trú/tạm trú:

Quan hệ với người được cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân:.....

Đề nghị cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho người có tên dưới đây:

Họ và tên: Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh:.....

Dân tộc:..... Quốc tịch:.....

Số Giấy CMND/Hộ chiếu:.....

Nơi thường trú/tạm trú:

Tình trạng hôn nhân hiện tại (1):.....

Tôi cam đoan lời khai trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

Đề nghị Ủy ban nhân dân cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho (2).....

để (3).....

Làm tại:.....ngàytháng.....năm.....

Người khai

.....

Chú thích:

(1) Ghi rõ: Đang có vợ hoặc có chồng; hoặc chưa đăng ký kết hôn lần nào; hoặc đã đăng ký kết hôn, nhưng đã ly hôn hay người kia đã chết;

(2) Cho bản thân hay cho người khác; nếu đề nghị cho người khác, thì phải ghi rõ;

(3) Ghi rõ mục đích sử dụng Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Mẫu STP/HT-2006-XNHN.2
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI CẤP GIẤY XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG HÔN NHÂN
(DÙNG CHO CÔNG DÂN VIỆT NAM ĐANG CƯ TRÚ Ở NƯỚC NGOÀI)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân.....

Họ và tên người khai:

Dân tộc:.....Quốc tịch:.....

Nơi thường trú/tạm trú:

Quan hệ với người được cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân:.....

Đề nghị cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho người có tên dưới đây:

Họ và tên:Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh:.....

Dân tộc:.....Quốc tịch:.....

Số Giấy CMND/ Hộ chiếu:.....

Nơi thường trú/tạm trú hiện nay:

.....

Nơi thường trú trước khi xuất cảnh:

.....

Trong thời gian cư trú tại.....

.....từ ngày.....tháng.....năm....., đến ngày.....tháng.....năm.....

.....

Tình trạng hôn nhân (1):.....

.....

.....

Tôi cam đoan lời khai trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

Đề nghị Ủy ban nhân dân cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho (2).....

.....

để (3).....

.....

Làm tại:.....ngày.....tháng.....năm.....

Người khai

.....

Chú thích:

(1) Ghi rõ: Đang có vợ hoặc có chồng; hoặc chưa đăng ký kết hôn lần nào; hoặc đã đăng ký kết hôn, nhưng đã ly hôn hay người kia đã chết;

(2) Cho bản thân hay cho người khác; nếu đề nghị cho người khác, thì phải ghi rõ;

(3) Ghi rõ mục đích sử dụng Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu STP/HT-2006-XNHN.3

Xã/phường.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Huyện/quận.....

Tỉnh/thành phố.....

Số:...../UBND-XN

Ngày.....tháng.....năm.....

GIẤY XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG HÔN NHÂN
(DÙNG CHO CÔNG DÂN VIỆT NAM CƯ TRÚ Ở TRONG NƯỚC)

ỦY BAN NHÂN DÂN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;
Căn cứ Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch;
Xét đề nghị của ông/bà:.....,

XÁC NHẬN:

Ông/bà:

Họ và tên:.....Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh:.....

Dân tộc:.....Quốc tịch:.....

Số Giấy CMND/ Hộ chiếu:.....

Nơi thường trú/tạm trú:

Tình trạng hôn nhân hiện tại:.....

Giấy này được cấp để:.....

và có giá trị sử dụng trong thời hạn 6 tháng, kể từ ngày cấp.

Vào Sổ cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân

Số:.....Quyển số:.....

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Cán bộ Tư pháp hộ tịch

.....

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu STP/HT-2006-XNHN.4

Xã/phường.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Huyện/quận.....

Tỉnh/thành phố.....

Số:...../UBND-XN

Ngày.....tháng.....năm.....

GIẤY XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG HÔN NHÂN
(DÙNG CHO CÔNG DÂN VIỆT NAM ĐANG CƯ TRÚ Ở NƯỚC NGOÀI)

ỦY BAN NHÂN DÂN

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;
Căn cứ Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch;
Xét đề nghị của ông/bà:.....,

XÁC NHẬN:

Ông/bà:

Họ và tên:.....Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh:.....

Dân tộc:..... Quốc tịch:.....

Số Giấy CMND/ Hộ chiếu:.....

Nơi thường trú/tạm trú hiện nay:

Nơi thường trú trước khi xuất cảnh:

Trong thời gian cư trú tại.....

.....từ ngày.....tháng.....năm....., đến ngày.....tháng.....năm.....

Tình trạng hôn nhân:.....

Giấy này được cấp để:.....

và có giá trị sử dụng trong thời hạn 6 tháng, kể từ ngày cấp.

Vào Sổ cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân

Số:.....Quyển số:.....

Cán bộ Tư pháp hộ tịch

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

.....

.....

QĐ số: 01/2006/QĐ-BTP) STP

5. Thủ tục: Đăng ký chấm dứt việc giám hộ

- *Trình tự thực hiện:*

Bước 1: - Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định.

Bước 2: - Nộp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ tại Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn (trong giờ hành chính từ thứ hai đến sáng thứ bảy hàng tuần).

- Khi nhận hồ sơ Đăng ký chấm dứt việc giám hộ, Cán bộ Tư pháp - Hộ tịch phường- xã, thị trấn kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của các giấy tờ trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì thực hiện cho người dân;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn đương sự hoàn thiện hồ sơ.

Bước 3: - Nhận kết quả giải quyết tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn (trong giờ hành chính từ thứ hai đến sáng thứ bảy hàng tuần).

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp nộp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Tờ khai đăng ký chấm dứt việc giám hộ;
- Quyết định công nhận việc giám hộ đã cấp trước đây;
- Giấy tờ cần thiết chứng minh đủ điều kiện chấm dứt việc giám hộ;
- Giấy tờ cần thiết chứng minh mối quan hệ của người yêu cầu chấm dứt việc giám hộ với người giám hộ, người cử giám hộ, người được giám hộ;
- Chứng minh nhân dân, hộ khẩu của người yêu cầu chấm dứt việc giám hộ.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- *Thời hạn giải quyết:*

- Trong 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận yêu cầu;
- Trong trường hợp cần xác minh thì thời hạn trên có thể kéo dài nhưng không quá 05 ngày làm việc.

- *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Cá nhân

- *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:* Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn.

- *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính*: Quyết định hành chính

- *Lệ phí (nếu có)*: 5.000 đồng/trường hợp

- *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm)*:

- Tờ khai đăng ký chấm dứt việc giám hộ (Mẫu STP/HT-2006-GH.4)

- Tờ khai cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân (dùng cho công dân VN cư trú ở trong nước): STP/HT-2006-XNHN.1

- Tờ khai cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân (dùng cho công dân VN đang cư trú ở nước ngoài): STP/HT-2006-XNHN.2

- Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân (dùng cho công dân VN cư trú ở trong nước): STP/HT-2006-XNHN.3

- Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân (dùng cho công dân VN đang cư trú ở nước ngoài): STP/HT-2006-XNHN.4

- *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)*:

- Người được giám hộ có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

- Người được giám hộ chết;

- Cha, mẹ của người được giám hộ đã có đủ điều kiện để thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình;

- Người được giám hộ được nhận làm con nuôi;

- Trong trường hợp người được giám hộ có tài sản riêng đã được lập danh mục thì người yêu cầu chấm dứt việc giám hộ phải nộp danh mục tài sản đó và danh mục tài sản hiện tại của người được giám hộ.

- *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính*:

- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Bộ Luật Dân sự năm 2005;

- Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch;

- Thông tư số 01/2008/TT-BTP ngày 02 tháng 6 năm 2008 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định 158/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch;

- Quyết định số 103/2007/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành biểu mức thu lệ phí đăng ký hộ tịch trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Mẫu STP/HT-2006-GH.4
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ CHẤM DỨT VIỆC GIÁM HỘ

Kính gửi:

Họ và tên người khai:.....

Năm sinh:.....

Nơi thường trú/tạm trú:

Số Giấy CMND/ Hộ chiếu:.....

Đề nghị **đăng ký chấm dứt việc giám hộ giữa:**

Người giám hộ:

	ÔNG	BÀ
Họ và tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Dân tộc		
Quốc tịch		
Nơi thường trú/tạm trú		
Số Giấy CMND/Hộ chiếu		

Người được giám hộ:

Họ và tên: Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh:.....

Dân tộc:..... Quốc tịch:.....

Nơi thường trú/tạm trú:

Theo Quyết định công nhận việc giám hộ số:..... ngày..... tháng..... năm..... của.....

Lý do chấm dứt việc giám hộ:.....

Tôi cam đoan lời khai trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

Đề nghị..... đăng ký.

Làm tại:..... ngày..... tháng..... năm.....

Người đề nghị chấm dứt giám hộ

.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Mẫu STP/HT-2006-XNHN.1
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI CẤP GIẤY XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG HÔN NHÂN
(DÙNG CHO CÔNG DÂN VIỆT NAM CƯ TRÚ Ở TRONG NƯỚC)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân.....

Họ và tên người khai:

Dân tộc:..... Quốc tịch:.....

Nơi thường trú/tạm trú:

Quan hệ với người được cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân:.....

Đề nghị cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho người có tên dưới đây:

Họ và tên: Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh:.....

Dân tộc:..... Quốc tịch:.....

Số Giấy CMND/Hộ chiếu:.....

Nơi thường trú/tạm trú:

Tình trạng hôn nhân hiện tại (1):.....

Tôi cam đoan lời khai trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

Đề nghị Ủy ban nhân dân cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho (2).....

để (3).....

Làm tại:.....ngàytháng.....năm.....

Người khai

Chú thích:

(1) Ghi rõ: Đang có vợ hoặc có chồng; hoặc chưa đăng ký kết hôn lần nào; hoặc đã đăng ký kết hôn, nhưng đã ly hôn hay người kia đã chết;

(2) Cho bản thân hay cho người khác; nếu đề nghị cho người khác, thì phải ghi rõ;

(3) Ghi rõ mục đích sử dụng Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Mẫu STP/HT-2006-XNHN.2
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI CẤP GIẤY XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG HÔN NHÂN
(DÙNG CHO CÔNG DÂN VIỆT NAM ĐANG CƯ TRÚ Ở NƯỚC NGOÀI)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân.....

Họ và tên người khai:

Dân tộc:.....Quốc tịch:.....

Nơi thường trú/tạm trú:

Quan hệ với người được cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân:.....

Đề nghị cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho người có tên dưới đây:

Họ và tên:Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh:.....

Dân tộc:.....Quốc tịch:.....

Số Giấy CMND/ Hộ chiếu:.....

Nơi thường trú/tạm trú hiện nay:

.....

Nơi thường trú trước khi xuất cảnh:

.....

Trong thời gian cư trú tại.....

.....từ ngày.....tháng.....năm....., đến ngày.....tháng.....năm.....

.....

Tình trạng hôn nhân (1):.....

.....

.....

Tôi cam đoan lời khai trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

Đề nghị Ủy ban nhân dân cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho (2).....

.....

để (3).....

.....

Làm tại:.....ngày.....tháng.....năm.....

Người khai

.....

Chú thích:

(1) Ghi rõ: Đang có vợ hoặc có chồng; hoặc chưa đăng ký kết hôn lần nào; hoặc đã đăng ký kết hôn, nhưng đã ly hôn hay người kia đã chết;

(2) Cho bản thân hay cho người khác; nếu đề nghị cho người khác, thì phải ghi rõ;

(3) Ghi rõ mục đích sử dụng Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu STP/HT-2006-XNHN.3

Xã/phường.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Huyện/quận.....

Tỉnh/thành phố.....

Số:...../UBND-XN

Ngày.....tháng.....năm.....

GIẤY XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG HÔN NHÂN
(DÙNG CHO CÔNG DÂN VIỆT NAM CƯ TRÚ Ở TRONG NƯỚC)

ỦY BAN NHÂN DÂN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;
Căn cứ Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch;
Xét đề nghị của ông/bà:.....,

XÁC NHẬN:

Ông/bà:

Họ và tên:.....Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh:.....

Dân tộc:..... Quốc tịch:.....

Số Giấy CMND/ Hộ chiếu:.....

Nơi thường trú/tạm trú:

Tình trạng hôn nhân hiện tại:.....

Giấy này được cấp để:.....

và có giá trị sử dụng trong thời hạn 6 tháng, kể từ ngày cấp.

Vào Sổ cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân

Số:.....Quyển số:.....

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Cán bộ Tư pháp hộ tịch

.....

ỦY BAN NHÂN DÂN
Xã/phường.....
Huyện/quận.....
Tỉnh/thành phố.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu STP/HT-2006-XNHN.4

Số:...../UBND-XN

Ngày.....tháng.....năm.....

GIẤY XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG HÔN NHÂN
(DÙNG CHO CÔNG DÂN VIỆT NAM ĐANG CƯ TRÚ Ở NƯỚC NGOÀI)

ỦY BAN NHÂN DÂN

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;
Căn cứ Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch;
Xét đề nghị của ông/bà:.....,

XÁC NHẬN:

Ông/bà:

Họ và tên:.....Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh:.....

Dân tộc:..... Quốc tịch:.....

Số Giấy CMND/ Hộ chiếu:.....

Nơi thường trú/tạm trú hiện nay:

Nơi thường trú trước khi xuất cảnh:

Trong thời gian cư trú tại.....

.....từ ngày.....tháng.....năm....., đến ngày.....tháng.....năm.....

Tình trạng hôn nhân:.....

Giấy này được cấp để:.....

và có giá trị sử dụng trong thời hạn 6 tháng, kể từ ngày cấp.

Vào Sở cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân

Số:.....Quyển số:.....

Cán bộ Tư pháp hộ tịch

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

.....

.....

QĐ số: 01/2006/QĐ-BTP) STP

6. Thủ tục: Đăng ký kết hôn giữa công dân Việt Nam cư trú trong nước với công dân Việt Nam trong thời hạn công tác, học tập, lao động ở nước ngoài về nước

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: - Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định.

Bước 2: - Nộp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ tại Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn (trong giờ hành chính từ thứ hai đến sáng thứ bảy hàng tuần).

- Khi nhận hồ sơ Đăng ký kết hôn giữa công dân Việt Nam cư trú trong nước với công dân Việt Nam trong thời hạn công tác, học tập, lao động ở nước ngoài về nước, Cán bộ Tư pháp - Hộ tịch phường - xã, thị trấn kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của các giấy tờ trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì thực hiện cho người dân;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn đương sự hoàn thiện hồ sơ.

Bước 3: - Nhận kết quả giải quyết tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn (trong giờ hành chính từ thứ hai đến sáng thứ bảy hàng tuần).

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp nộp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Tờ khai đăng ký kết hôn theo mẫu;
- Các trường hợp sau đây thì nộp thêm giấy tờ:

+ Đối với người đang trong thời hạn công tác, học tập, lao động ở nước ngoài về nước đăng ký kết hôn thì phải có xác nhận của cơ quan Ngoại giao, Lãnh sự Việt Nam tại nước sở tại về tình trạng hôn nhân của người đó;

+ Đối với cán bộ, chiến sĩ đang công tác trong lực lượng vũ trang thì thủ trưởng đơn vị của người đó xác nhận tình trạng hôn nhân.

• (Việc xác nhận tình trạng hôn nhân trong 02 trường hợp trên có giá trị 06 tháng kể từ ngày xác nhận)

- Chứng minh nhân dân/hộ chiếu, hộ khẩu của hai bên nam, nữ.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- Thời hạn giải quyết:

- Trong 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận yêu cầu;
- Trong trường hợp cần xác minh thì thời hạn trên có thể kéo dài nhưng không quá 05 ngày làm việc.

- *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Cá nhân

- *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:* Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn.

- *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:* giấy chứng nhận.

- *Lệ phí (nếu có):* Miễn thu lệ phí bản chính.

- *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm):*

- Tờ khai đăng ký kết hôn: Mẫu STP/HT-2006-KH.1;
- Tờ khai cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân: Mẫu STP/HT-2006-XNHN.1; Mẫu STP/HT-2006-XNHN.2.

- *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):*

- Về độ tuổi: nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên;
- Về ý chí tự nguyện kết hôn: việc kết hôn do 02 nam và nữ tự nguyện quyết định, không bên nào được ép buộc, lừa dối bên nào, không ai được cưỡng ép hoặc cản trở;
- Không thuộc các trường hợp bị cấm theo quy định của pháp luật;
- Khi nộp hồ sơ đăng ký kết hôn cả hai bên đương sự phải có mặt. Không chấp nhận việc nộp hồ sơ đăng ký kết hôn qua người thứ ba.

- *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:*

- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;
- Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch;
- Quyết định số 01/2006/QĐ-BTP ngày ngày 29 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tư pháp về việc ban hành sổ hộ tịch, biểu mẫu hộ tịch;
- Thông tư số 01/2008/TT-BTP ngày 02 tháng 6 năm 2008 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch;
- Quyết định số 39/2008/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc miễn thu một số khoản phí, lệ phí theo quy định tại Chỉ thị số 24/2007/CT-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu STP/HT-2006-KH.1

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ KẾT HÔN

Kính gửi:

NGƯỜI KHAI	BÊN NAM	BÊN NỮ
Họ và tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Dân tộc		
Quốc tịch		
Nơi thường trú/tạm trú		
Số Giấy CMND/Hộ chiếu		
Kết hôn lần thứ mấy		

(QĐ số: 01/2006/QĐ-BTP) STP

Chúng tôi cam đoan lời khai trên đây là đúng sự thật, việc kết hôn của chúng tôi không vi phạm quy định của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

Đề nghị Ủy ban nhân dân đăng ký.

Làm tại:.....ngàytháng.....năm.....

Xác nhận về tình trạng hôn nhân của
Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú (1)/
Thủ trưởng của đơn vị nơi công tác (2)

Bên nam

Bên nữ

.....
.....
.....

Xác nhận này có giá trị trong thời hạn
6 tháng, kể từ ngày cấp.

Ngày.....tháng.....năm.....

CHỦ TỊCH UBND/THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

.....

Chú thích:

- (1) Chỉ cần thiết trong trường hợp nơi đăng ký kết hôn khác với nơi thường trú/tạm trú của người đăng ký kết hôn;
(2) Chỉ cần thiết trong trường hợp người đăng ký kết hôn là cán bộ, chiến sĩ đang công tác trong lực lượng vũ trang.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Mẫu STP/HT-2006-XNHN.1
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI CẤP GIẤY XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG HÔN NHÂN
(DÙNG CHO CÔNG DÂN VIỆT NAM CƯ TRÚ Ở TRONG NƯỚC)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân.....

Họ và tên người khai:

Dân tộc:..... Quốc tịch:.....

Nơi thường trú/tạm trú:

Quan hệ với người được cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân:.....

Đề nghị cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho người có tên dưới đây:

Họ và tên: Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh:.....

Dân tộc:..... Quốc tịch:.....

Số Giấy CMND/Hộ chiếu:.....

Nơi thường trú/tạm trú:

Tình trạng hôn nhân hiện tại (1):.....

Tôi cam đoan lời khai trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

Đề nghị Ủy ban nhân dân cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho (2).....

để (3).....

Làm tại:.....ngàytháng.....năm.....

Người khai

.....

(QĐ số: 01/2006/QĐ-BTP) STP

Chú thích:

(1) Ghi rõ: Đang có vợ hoặc có chồng; hoặc chưa đăng ký kết hôn lần nào; hoặc đã đăng ký kết hôn, nhưng đã ly hôn hay người kia đã chết;

(2) Cho bản thân hay cho người khác; nếu đề nghị cho người khác, thì phải ghi rõ;

(3) Ghi rõ mục đích sử dụng Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Mẫu STP/HT-2006-XNHN.2
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI CẤP GIẤY XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG HÔN NHÂN
(DÙNG CHO CÔNG DÂN VIỆT NAM ĐANG CƯ TRÚ Ở NƯỚC NGOÀI)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân.....

Họ và tên người khai:

Dân tộc:.....Quốc tịch:.....

Nơi thường trú/tạm trú:

Quan hệ với người được cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân:.....

Đề nghị cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho người có tên dưới đây:

Họ và tên:Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh:.....

Dân tộc:.....Quốc tịch:.....

Số Giấy CMND/ Hộ chiếu:.....

Nơi thường trú/tạm trú hiện nay:

.....

Nơi thường trú trước khi xuất cảnh:

.....

Trong thời gian cư trú tại.....

.....từ ngày.....tháng.....năm....., đến ngày.....tháng.....năm.....

.....

Tình trạng hôn nhân (1):.....

.....

.....

Tôi cam đoan lời khai trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

Đề nghị Ủy ban nhân dân cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho (2).....

.....

để (3).....

.....

Làm tại:.....ngày.....tháng.....năm.....

Người khai

.....

Chú thích:

(1) Ghi rõ: Đang có vợ hoặc có chồng; hoặc chưa đăng ký kết hôn lần nào; hoặc đã đăng ký kết hôn, nhưng đã ly hôn hay người kia đã chết;

(2) Cho bản thân hay cho người khác; nếu đề nghị cho người khác, thì phải ghi rõ;

(3) Ghi rõ mục đích sử dụng Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.

7. Thủ tục: Đăng ký kết hôn giữa công dân Việt Nam cư trú trong nước với công dân Việt Nam trong thời hạn công tác, học tập, lao động ở nước ngoài về nước

- *Trình tự thực hiện:*

Bước 1: - Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định.

Bước 2: - Nộp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ tại Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn (trong giờ hành chính từ thứ hai đến sáng thứ bảy hàng tuần).

- Khi nhận hồ sơ Đăng ký kết hôn giữa công dân Việt Nam đang trong thời hạn công tác, học tập, lao động ở nước ngoài về nước, Cán bộ Tư pháp - Hộ tịch phường - xã, thị trấn kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của các giấy tờ trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì thực hiện cho người dân;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn đương sự hoàn thiện hồ sơ.

Bước 3: - Nhận kết quả giải quyết tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn (trong giờ hành chính từ thứ hai đến sáng thứ bảy hàng tuần).

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp nộp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

• Tờ khai đăng ký kết hôn theo mẫu;

• Có xác nhận của cơ quan Ngoại giao, Lãnh sự Việt Nam tại nước sở tại về tình trạng hôn nhân của người đó (Việc xác nhận tình trạng hôn nhân trong trường hợp trên có giá trị 06 tháng kể từ ngày xác nhận).

• Chứng minh nhân dân/hộ chiếu, hộ khẩu của hai bên nam, nữ.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- *Thời hạn giải quyết:*

• Trong 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận yêu cầu;

• Trong trường hợp cần xác minh thì thời hạn trên có thể kéo dài nhưng không quá 05 ngày làm việc.

- *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Cá nhân

- *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:* Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn.

- *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính*: giấy chứng nhận
- *Lệ phí (nếu có)*: Miễn thu lệ phí bản chính
- *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm)*:
 - Tờ khai đăng ký kết hôn: Mẫu STP/HT-2006-KH.1.
 - Tờ khai cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân: Mẫu STP/HT-2006-XNHN.2.
- *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)*:
 - Về độ tuổi: nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên;
 - Về ý chí tự nguyện kết hôn:
 - + Việc kết hôn do 02 nam và nữ tự nguyện quyết định;
 - + Không bên nào được ép buộc, lừa dối bên nào;
 - + Không ai được cưỡng ép hoặc cản trở.
 - Không thuộc xác trường hợp bị cấm theo quy định của pháp luật;
 - Khi nộp hồ sơ đăng ký kết hôn cả hai bên đương sự phải có mặt. Không chấp nhận việc nộp hồ sơ đăng ký kết hôn qua người thứ ba.
- *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính*:
 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;
 - Quyết định số 01/2006/QĐ-BTP ngày ngày 29 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tư pháp về việc ban hành sổ hộ tịch, biểu mẫu hộ tịch;
 - Thông tư số 01/2008/TT-BTP ngày 02 tháng 6 năm 2008 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định 158/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch;
 - Quyết định số 39/2008/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh Về việc miễn thu một số khoản phí, lệ phí theo quy định tại Chỉ thị số 24/2007/CT-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu STP/HT-2006-KH.1

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ KẾT HÔN

Kính gửi:

NGƯỜI KHAI	BÊN NAM	BÊN NỮ
Họ và tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Dân tộc		
Quốc tịch		
Nơi thường trú/tạm trú		
Số Giấy CMND/Hộ chiếu		
Kết hôn lần thứ mấy		

Chúng tôi cam đoan lời khai trên đây là đúng sự thật, việc kết hôn của chúng tôi không vi phạm quy định của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

Đề nghị Ủy ban nhân dân đăng ký.

Làm tại:.....ngàytháng.....năm.....

Xác nhận về tình trạng hôn nhân của
Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú (1)/
Thủ trưởng của đơn vị nơi công tác (2)

Bên nam**Bên nữ**

.....
.....
.....

Xác nhận này có giá trị trong thời hạn
6 tháng, kể từ ngày cấp.

Ngày.....tháng.....năm.....

CHỦ TỊCH UBND/THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

.....

Chú thích:

- (1) Chỉ cần thiết trong trường hợp nơi đăng ký kết hôn khác với nơi thường trú/tạm trú của người đăng ký kết hôn;
(2) Chỉ cần thiết trong trường hợp người đăng ký kết hôn là cán bộ, chiến sĩ đang công tác trong lực lượng vũ trang.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Mẫu STP/HT-2006-XNHN.2
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI CẤP GIẤY XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG HÔN NHÂN
(DÙNG CHO CÔNG DÂN VIỆT NAM ĐANG CƯ TRÚ Ở NƯỚC NGOÀI)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân.....

Họ và tên người khai:

Dân tộc:.....Quốc tịch:.....

Nơi thường trú/tạm trú:

Quan hệ với người được cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân:.....

Đề nghị cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho người có tên dưới đây:

Họ và tên:Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh:.....

Dân tộc:.....Quốc tịch:.....

Số Giấy CMND/ Hộ chiếu:.....

Nơi thường trú/tạm trú hiện nay:

.....

Nơi thường trú trước khi xuất cảnh:

.....

Trong thời gian cư trú tại.....

.....từ ngày.....tháng.....năm....., đến ngày.....tháng.....năm.....

.....

Tình trạng hôn nhân (1):.....

.....

Tôi cam đoan lời khai trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

Đề nghị Ủy ban nhân dân cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho (2).....

.....

để (3).....

.....

Làm tại:.....ngày.....tháng.....năm.....

Người khai

.....

Chú thích:

(1) Ghi rõ: Đang có vợ hoặc có chồng; hoặc chưa đăng ký kết hôn lần nào; hoặc đã đăng ký kết hôn, nhưng đã ly hôn hay người kia đã chết;

(2) Cho bản thân hay cho người khác; nếu đề nghị cho người khác, thì phải ghi rõ;

(3) Ghi rõ mục đích sử dụng Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.

8. Thủ tục: Đăng ký kết hôn giữa công dân Việt Nam cư trú ở trong nước với nhau

- *Trình tự thực hiện:*

Bước 1: - Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định.

Bước 2: - Nộp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ tại Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn (trong giờ hành chính từ thứ hai đến sáng thứ bảy hàng tuần).

- Khi nhận hồ sơ Đăng ký kết hôn giữa công dân Việt Nam cư trú ở trong nước với nhau, Cán bộ Tư pháp - Hộ tịch phường - xã, thị trấn kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của các giấy tờ trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì thực hiện cho người dân;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn đương sự hoàn thiện hồ sơ.

Bước 3: - Nhận kết quả giải quyết tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường- xã, thị trấn (trong giờ hành chính từ thứ hai đến sáng thứ bảy hàng tuần).

- *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp nộp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

- *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

• Tờ khai đăng ký kết hôn (theo mẫu);

• Các trường hợp sau đây thì nộp thêm giấy tờ:

+ Nếu hai bên nam, nữ có nơi cư trú khác nhau thì bên nam hoặc bên nữ đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn không phải nơi cư trú của mình phải nộp xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp phường, xã, thị trấn nơi cư trú về tình trạng hôn nhân;

+ Đối với cán bộ, chiến sĩ đang công tác trong lực lượng vũ trang thì thủ trưởng đơn vị của người đó xác nhận tình trạng hôn nhân.

• (Việc xác nhận tình trạng hôn nhân trong 02 trường hợp trên có giá trị 06 tháng kể từ ngày xác nhận)

• Chứng minh nhân dân/hộ khẩu của hai bên nam, nữ.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- *Thời hạn giải quyết:*

- Trong 05 ngày kể từ ngày tiếp nhận yêu cầu;
- Trong trường hợp cần xác minh thì thời hạn trên có thể kéo dài nhưng không quá 05 ngày làm việc.

- *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Cá nhân

- *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:* Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn.

- *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:* giấy chứng nhận

- *Lệ phí (nếu có):* Miễn thu lệ phí bản chính

- *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm):*

• Tờ khai đăng ký kết hôn: Mẫu STP/HT-2006-KH.1;

• Tờ khai cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân: Mẫu STP/HT-2006-XNHN.1

- *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):*

• Về độ tuổi: nam từ 20 tuổi trở lên, nữ từ 18 tuổi trở lên;

• Về ý chí tự nguyện kết hôn: việc kết hôn do 02 nam và nữ tự nguyện quyết định, không bên nào được ép buộc, lừa dối bên nào, không ai được cưỡng ép hoặc cản trở;

• Các trường hợp bị cấm theo quy định của pháp luật;

• Khi nộp hồ sơ đăng ký kết hôn cả hai bên đương sự phải có mặt. Không chấp nhận việc nộp hồ sơ đăng ký kết hôn qua người thứ ba;

• Đương sự cư trú ở nhiều nơi có thể cam kết về tình trạng hôn nhân.

- *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:*

• Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

• Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch;

• Quyết định số 01/2006/QĐ-BTP ngày ngày 29 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tư pháp về việc ban hành sổ hộ tịch, biểu mẫu hộ tịch;

• Thông tư số 01/2008/TT-BTP ngày 02 tháng 6 năm 2008 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch;

• Quyết định số 39/2008/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh Về việc miễn thu một số khoản phí, lệ phí theo quy định tại Chỉ thị số 24/2007/CT-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Mẫu STP/HT-2006-XNHN.1
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI CẤP GIẤY XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG HÔN NHÂN
(DÙNG CHO CÔNG DÂN VIỆT NAM CƯ TRÚ Ở TRONG NƯỚC)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân.....

Họ và tên người khai:

Dân tộc:..... Quốc tịch:.....

Nơi thường trú/tạm trú:

Quan hệ với người được cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân:.....

Đề nghị cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho người có tên dưới đây:

Họ và tên: Giới tính:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh:.....

Dân tộc:..... Quốc tịch:.....

Số Giấy CMND/Hộ chiếu:.....

Nơi thường trú/tạm trú:

Tình trạng hôn nhân hiện tại (1):.....

Tôi cam đoan lời khai trên đây là đúng sự thật và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

Đề nghị Ủy ban nhân dân cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho (2).....

để (3).....

Làm tại:.....ngàytháng.....năm.....

Người khai

.....

Chú thích:

(1) Ghi rõ: Đang có vợ hoặc có chồng; hoặc chưa đăng ký kết hôn lần nào; hoặc đã đăng ký kết hôn, nhưng đã ly hôn hay người kia đã chết;

(2) Cho bản thân hay cho người khác; nếu đề nghị cho người khác, thì phải ghi rõ;

(3) Ghi rõ mục đích sử dụng Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu STP/HT-2006-KH.1

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ KẾT HÔN

Kính gửi:

NGƯỜI KHAI	BÊN NAM	BÊN NỮ
Họ và tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Dân tộc		
Quốc tịch		
Nơi thường trú/tạm trú		
Số Giấy CMND/Hộ chiếu		
Kết hôn lần thứ mấy		

Chúng tôi cam đoan lời khai trên đây là đúng sự thật, việc kết hôn của chúng tôi không vi phạm quy định của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam đoan của mình.

Đề nghị Ủy ban nhân dân đăng ký.

Làm tại:.....ngàytháng.....năm.....

Xác nhận về tình trạng hôn nhân của
Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú (1)/
Thủ trưởng của đơn vị nơi công tác (2)

Bên nam**Bên nữ**

.....
.....
.....

Xác nhận này có giá trị trong thời hạn
6 tháng, kể từ ngày cấp.

Ngày.....tháng.....năm.....

CHỦ TỊCH UBND/THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

.....

Chú thích:

- (1) Chỉ cần thiết trong trường hợp nơi đăng ký kết hôn khác với nơi thường trú/tạm trú của người đăng ký kết hôn;
(2) Chỉ cần thiết trong trường hợp người đăng ký kết hôn là cán bộ, chiến sĩ đang công tác trong lực lượng vũ trang.

9. Thủ tục: Đăng ký khai sinh cho con ngoài giá thú

- *Trình tự thực hiện:*

Bước 1: - Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định.

Bước 2: - Nộp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ tại Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn (trong giờ hành chính từ thứ hai đến sáng thứ bảy hàng tuần).

- Khi nhận hồ sơ Đăng ký khai sinh cho con ngoài giá thú, Cán bộ Tư pháp - Hộ tịch phường - xã, thị trấn kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của các giấy tờ trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì thực hiện cho người dân;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn đương sự hoàn thiện hồ sơ.

Bước 3: - Nhận kết quả giải quyết tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND phường- xã, thị trấn (trong giờ hành chính từ thứ hai đến sáng thứ bảy hàng tuần).

- *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp nộp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

- *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

• Tờ khai đăng ký khai sinh (theo mẫu);

• Đơn xin nhìn nhận con;

• CMND, sổ hộ khẩu; Giấy chứng nhận nhân khẩu tập thể hoặc Giấy đăng ký tạm trú có thời hạn của mẹ trẻ em;

• Giấy chứng sinh do cơ sở y tế, nơi trẻ em sinh ra cấp. Nếu trẻ em sinh ra ngoài cơ sở y tế, thì Giấy chứng sinh được thay bằng văn bản xác nhận của người làm chứng. Trong trường hợp không có người làm chứng, thì người đi khai sinh phải làm giấy cam đoan về việc sinh là có thực.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- *Thời hạn giải quyết:*

• Trong 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận yêu cầu;

• Trong trường hợp cần xác minh thì thời hạn trên có thể kéo dài nhưng không quá 05 ngày làm việc.

- *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Cá nhân

- *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:* Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn.

- *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính*: giấy đăng ký

- *Lệ phí (nếu có)*: Miễn thu lệ phí bản chính

- *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm)*:

- Mẫu đơn Đăng ký khai sinh cho con ngoài giá thú: Mẫu BTP/HT-2006-KS.1;
- Phiếu cung cấp thông tin (về đăng ký sinh).

- *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có)*:

• Khai sinh cho con ngoài giá thú, nếu không xác định được người cha, thì phần ghi về người cha trong sổ đăng ký khai sinh và giấy khai sinh bỏ trống. Nếu vào thời điểm đăng ký khai sinh có người nhận con, thì UBND cấp xã kết hợp giải quyết việc nhận con và đăng ký khai sinh;

• Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày sinh con, mẹ có trách nhiệm đi khai sinh cho con; nếu cha, mẹ không thể đi khai sinh, thì ông, bà hoặc những người thân thích khác đi khai sinh cho trẻ em.

- *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính*:

- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;
- Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004;
- Bộ Luật Dân sự năm 2005;
- Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch;

• Quyết định số 01/2006/QĐ-BTP ngày ngày 29 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tư pháp về việc ban hành sổ hộ tịch, biểu mẫu hộ tịch;

• Thông tư số 01/2008/TT-BTP ngày 02 tháng 6 năm 2008 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch;

• Quyết định số 39/2008/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc miễn thu một số khoản phí, lệ phí theo quy định tại Chỉ thị số 24/2007/CT-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ.

Cơ sở Y Tế

Mẫu STP/HT-2006-KS.1

Số:.....

Quyển số:.....

GIẤY CHỨNG SINH

Họ và tên người mẹ:.....

Năm sinh:.....

Nơi thường trú/tạm trú:.....

Số Giấy CMND/Hộ chiếu:.....

Đã sinh con vào lúc:.....giờ.....phút,

ngày.....tháng.....năm.....

Tại:.....

Giới tính của con.....Cân nặng:.....

Con thứ mấy:.....

Số con trong một lần sinh:.....

Dự định đặt tên con là:.....

Ngày.....tháng.....năm.....

Người đỡ đẻ

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ Y TẾ

Cơ sở Y Tế **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Mẫu STP/HT-2006-KS.1

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

Quyển số:.....

GIẤY CHỨNG SINH

Họ và tên người mẹ:.....năm sinh:.....

Nơi thường trú/tạm trú:.....

Số Giấy CMND/Hộ chiếu:.....

Đã sinh con vào lúc:.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm.....

Tại (1):.....

Giới tính của con:.....Cân nặng:.....Con thứ mấy.....

Số con trong một lần sinh:.....

Dự định đặt tên con là (2):.....

Ngày.....tháng.....năm.....

Người đỡ đẻ

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ Y TẾ

Chú thích:

(1) Ghi rõ tên bệnh viện hoặc cơ sở y tế;

(2) Tên dự định đặt có thể được thay đổi khi đăng ký khai sinh.

Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày sinh con, cha, mẹ có trách nhiệm phải đi đăng ký khai sinh cho trẻ em; nếu cha, mẹ không thể đi khai sinh, thì ông, bà hoặc những người thân thích khác đi khai sinh cho trẻ em.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHIẾU CUNG CẤP THÔNG TIN
VỀ ĐĂNG KÝ KHAI SINH**

Họ tên trẻ:Giới tính:.....
 Ngày sinh:..... tháng..... năm

Nơi sinh:.....
 Dân tộc:Quốc tịch:

Quê quán:.....

	Cha	Mẹ
Họ và tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Dân tộc		
Quốc tịch		
Quê quán		
Nơi thường trú/tạm trú/ nơi cư trú		

Họ và tên người cung cấp thông tin:
 Sinh năm:Số CMND (Hộ chiếu):..... Nơi cấp:.....
 Quan hệ với người được khai sinh:

.....Ngày tháng năm 200

Người lập phiếu
(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ Hộ tịch kiểm tra đối chiếu

.....

.....

Chú ý:

1. Giấy tờ phải nộp
 - Giấy chứng sinh bản chính (hoặc các giấy tờ thay thế khác theo quy định).
2. Giấy tờ phải xuất trình:
 - Sổ Hộ khẩu;
 - Giấy chứng minh nhân dân của người đi khai;
 - Giấy kết hôn của cha mẹ trẻ (Nếu cán bộ hộ tịch biết rõ thì không yêu cầu).
3. Cán bộ Hộ tịch có thể giúp trong trường hợp người cung cấp thông tin không ghi được.
4. Cán bộ Tư pháp - Hộ tịch kiểm tra đối chiếu thông tin với các giấy tờ.
5. Không thu lệ phí phiếu cung cấp thông tin này.

10. Thủ tục: Đăng ký khai sinh cho trẻ em bị bỏ rơi

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: - Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định.

Bước 2: - Nộp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ tại Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn (trong giờ hành chính từ thứ hai đến sáng thứ bảy hàng tuần).

- Khi nhận hồ sơ Đăng ký khai sinh cho trẻ em bị bỏ rơi, Cán bộ Tư pháp - Hộ tịch phường- xã, thị trấn kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của các giấy tờ trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì thực hiện cho người dân;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn đương sự hoàn thiện hồ sơ.

Bước 3: - Nhận kết quả giải quyết tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn (trong giờ hành chính từ thứ hai đến sáng thứ bảy hàng tuần).

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp nộp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

• Tờ khai đăng ký khai sinh (theo mẫu)

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- Thời hạn giải quyết:

• Trong 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận yêu cầu;

• Trong trường hợp cần xác minh thì thời hạn trên có thể kéo dài nhưng không quá 05 ngày làm việc.

- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn.

- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: giấy đăng ký

- Lệ phí (nếu có): Miễn thu lệ phí bản chính

- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm): Mẫu đơn Đăng ký khai sinh cho trẻ em bị bỏ rơi: Mẫu BTP/HT-2006-KS.1;

• Phiếu cung cấp thông tin (về đăng ký sinh)

- *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):*

- Việc đăng ký khai sinh cho trẻ bị bỏ rơi được thực hiện tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của người đang tạm thời nuôi dưỡng hoặc nơi có trụ sở của tổ chức đang tạm thời nuôi dưỡng trẻ em đó;

- Thông báo tìm cha, mẹ đẻ của trẻ trên đài phát thanh hoặc đài truyền hình.

- *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:*

- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;
- Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004;
- Bộ Luật Dân sự năm 2005;
- Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch;
- Quyết định số 01/2006/QĐ-BTP ngày ngày 29 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tư pháp về việc ban hành sổ hộ tịch, biểu mẫu hộ tịch;
- Thông tư số 01/2008/TT-BTP ngày 02 tháng 6 năm 2008 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch;
- Quyết định số 39/2008/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh Về việc miễn thu một số khoản phí, lệ phí theo quy định tại Chỉ thị số 24/2007/CT-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ.

Cơ sở Y Tế

Mẫu STP/HT-2006-KS.1

Số:.....

Quyền số:.....

GIẤY CHỨNG SINH

Họ và tên người mẹ:.....

Năm sinh:.....

Nơi thường trú/tạm trú:.....

Số Giấy CMND/Hộ chiếu:.....

Đã sinh con vào lúc:.....giờ.....phút,

ngày.....tháng.....năm.....

Tại:.....

Giới tính của con.....Cân nặng:.....

Con thứ mấy:.....

Số con trong một lần sinh:.....

Dự định đặt tên con là:.....

Ngày.....tháng.....năm.....

Người đỡ đẻ

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ Y TẾ

Cơ sở Y Tế **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Mẫu STP/HT-2006-KS.1

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

Quyền số:.....

GIẤY CHỨNG SINH

Họ và tên người mẹ:.....năm sinh:.....

Nơi thường trú/tạm trú:.....

Số Giấy CMND/Hộ chiếu:.....

Đã sinh con vào lúc:.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm.....

Tại (1):.....

Giới tính của con:.....Cân nặng:.....Con thứ mấy.....

Số con trong một lần sinh:.....

Dự định đặt tên con là (2):.....

Ngày.....tháng.....năm.....

Người đỡ đẻ

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ Y TẾ

Chú thích:

(1) Ghi rõ tên bệnh viện hoặc cơ sở y tế;

(2) Tên dự định đặt có thể được thay đổi khi đăng ký khai sinh.

Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày sinh con, cha, mẹ có trách nhiệm phải đi đăng ký khai sinh cho trẻ em; nếu cha, mẹ không thể đi khai sinh, thì ông, bà hoặc những người thân thích khác đi khai sinh cho trẻ em.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHIẾU CUNG CẤP THÔNG TIN
VỀ ĐĂNG KÝ KHAI SINH**

Họ tên trẻ:Giới tính:.....
 Ngày sinh:..... tháng..... năm

Nơi sinh:.....

Dân tộc:Quốc tịch:

Quê quán:.....

	Cha	Mẹ
Họ và tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Dân tộc		
Quốc tịch		
Quê quán		
Nơi thường trú/tạm trú/ nơi cư trú		

Họ và tên người cung cấp thông tin:

Sinh năm:Số CMND (Hộ chiếu):..... Nơi cấp:.....

Quan hệ với người được khai sinh:

.....Ngày tháng năm 200

Người lập phiếu

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ Hộ tịch kiểm tra đối chiếu

.....

.....

Chú ý:

1. Giấy tờ phải nộp

- Giấy chứng sinh bản chính (hoặc các giấy tờ thay thế khác theo quy định).

2. Giấy tờ phải xuất trình:

- Sổ Hộ khẩu;

- Giấy chứng minh nhân dân của người đi khai;

- Giấy kết hôn của cha mẹ trẻ (Nếu cán bộ hộ tịch biết rõ thì không yêu cầu).

3. Cán bộ Hộ tịch có thể giúp trong trường hợp người cung cấp thông tin không ghi được.

4. Cán bộ Tư pháp - Hộ tịch kiểm tra đối chiếu thông tin với các giấy tờ.

5. Không thu lệ phí phiếu cung cấp thông tin này.

11. Thủ tục: Đăng ký khai sinh cho trẻ chết sơ sinh

- *Trình tự thực hiện:*

Bước 1: - Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định.

Bước 2: - Nộp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ tại Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn (trong giờ hành chính từ thứ hai đến sáng thứ bảy hàng tuần).

- Khi nhận hồ sơ Đăng ký khai sinh cho trẻ chết sơ sinh, Cán bộ Tư pháp - Hộ tịch phường- xã, thị trấn kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của các giấy tờ trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì thực hiện cho người dân;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn đương sự hoàn thiện hồ sơ.

Bước 3: - Nhận kết quả giải quyết tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường- xã, thị trấn (trong giờ hành chính từ thứ hai đến sáng thứ bảy hàng tuần).

- *Cách thức thực hiện:* trực tiếp nộp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

- *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

• Tờ khai đăng ký khai sinh (theo mẫu);

• CMND, sổ hộ khẩu; Giấy chứng nhận nhân khẩu tập thể hoặc Giấy đăng ký tạm trú có thời hạn của cha, mẹ trẻ em;

• Giấy chứng nhận kết hôn của cha, mẹ trẻ em (nếu cha, mẹ của trẻ em có đăng ký kết hôn);

• Giấy chứng sinh do cơ sở y tế, nơi trẻ em sinh ra cấp. Nếu trẻ em sinh ra ngoài cơ sở y tế, thì Giấy chứng sinh được thay bằng văn bản xác nhận của người làm chứng. Trong trường hợp không có người làm chứng, thì người đi khai sinh phải làm giấy cam đoan về việc sinh là có thực.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- *Thời hạn giải quyết:* Ngay trong ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận yêu cầu.

- *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Cá nhân.

- *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:* Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn.

- *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:* giấy đăng ký

- *Lệ phí (nếu có):* Miễn thu lệ phí bản chính

- *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm):*

- Mẫu đơn Đăng ký khai sinh cho trẻ chết sơ sinh: Mẫu BTP/HT-2006-KS.1;

- Phiếu cung cấp thông tin (về đăng ký sinh)

- *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):*

- Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của người mẹ thực hiện việc đăng ký khai sinh cho trẻ em; Nếu không xác định được nơi cư trú của người mẹ, thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của người cha thực hiện việc đăng ký khai sinh. Trường hợp không xác định được nơi cư trú của người mẹ và người cha thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi trẻ em sinh sống trên thực tế thực hiện việc đăng ký khai sinh

- *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:*

- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004;

- Bộ Luật Dân sự năm 2005;

- Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch;

- Quyết định số 01/2006/QĐ-BTP ngày ngày 29 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tư pháp về việc ban hành sổ hộ tịch, biểu mẫu hộ tịch;

- Thông tư số 01/2008/TT-BTP ngày 02 tháng 6 năm 2008 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định 158/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch;

- Quyết định số 39/2008/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh Về việc miễn thu một số khoản phí, lệ phí theo quy định tại Chỉ thị số 24/2007/CT-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ.

Cơ sở Y Tế

Mẫu STP/HT-2006-KS.1

Số:.....

Quyển số:.....

GIẤY CHỨNG SINH

Họ và tên người mẹ:.....

Năm sinh:.....

Nơi thường trú/tạm trú:.....

Số Giấy CMND/Hộ chiếu:.....

Đã sinh con vào lúc:.....giờ.....phút,

ngày.....tháng.....năm.....

Tại:.....

Giới tính của con.....Cân nặng:.....

Con thứ mấy:.....

Số con trong một lần sinh:.....

Dự định đặt tên con là:.....

Ngày.....tháng.....năm.....

Người đỡ đẻ

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu STP/HT-2006-KS.1

Số:.....

Quyển số:.....

GIẤY CHỨNG SINH

Họ và tên người mẹ:.....năm sinh:.....

Nơi thường trú/tạm trú:.....

Số Giấy CMND/Hộ chiếu:.....

Đã sinh con vào lúc:.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm.....

Tại (1):.....

Giới tính của con:.....Cân nặng:.....Con thứ mấy.....

Số con trong một lần sinh:.....

Dự định đặt tên con là (2):.....

Ngày.....tháng.....năm.....

Người đỡ đẻ

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ Y TẾ

Chú thích:

(1) Ghi rõ tên bệnh viện hoặc cơ sở y tế;

(2) Tên dự định đặt có thể được thay đổi khi đăng ký khai sinh.

Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày sinh con, cha, mẹ có trách nhiệm phải đi đăng ký khai sinh cho trẻ em; nếu cha, mẹ không thể đi khai sinh, thì ông, bà hoặc những người thân thích khác đi khai sinh cho trẻ em.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHIẾU CUNG CẤP THÔNG TIN
VỀ ĐĂNG KÝ KHAI SINH**

Họ tên trẻ:Giới tính:.....
 Ngày sinh:..... tháng..... năm

Nơi sinh:.....

Dân tộc:Quốc tịch:

Quê quán:.....

	Cha	Mẹ
Họ và tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Dân tộc		
Quốc tịch		
Quê quán		
Nơi thường trú/tạm trú/ nơi cư trú		

Họ và tên người cung cấp thông tin:

Sinh năm:Số CMND (Hộ chiếu):..... Nơi cấp:.....

Quan hệ với người được khai sinh:

.....Ngày tháng năm 200

Người lập phiếu

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ Hộ tịch kiểm tra đối chiếu

.....

.....

Chú ý:

- Giấy tờ phải nộp
 - Giấy chứng sinh bản chính (hoặc các giấy tờ thay thế khác theo quy định).
- Giấy tờ phải xuất trình:
 - Sổ Hộ khẩu;
 - Giấy chứng minh nhân dân của người đi khai;
 - Giấy kết hôn của cha mẹ trẻ (Nếu cán bộ hộ tịch biết rõ thì không yêu cầu).
- Cán bộ Hộ tịch có thể giúp trong trường hợp người cung cấp thông tin không ghi được.
- Cán bộ Tư pháp - Hộ tịch kiểm tra đối chiếu thông tin với các giấy tờ.
- Không thu lệ phí phiếu cung cấp thông tin này.

12. Thủ tục: Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho trẻ em sinh ra ở nước ngoài được mẹ là công dân Việt Nam đưa về Việt Nam sinh sống, chưa được đăng ký khai sinh ở nước ngoài (cha, mẹ chưa đăng ký kết hôn).

- *Trình tự thực hiện:*

Bước 1: - Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định.

Bước 2: - Nộp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ tại Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn (trong giờ hành chính từ thứ hai đến sáng thứ bảy hàng tuần).

- Khi nhận hồ Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho trẻ em sinh ra ở nước ngoài được mẹ là công dân Việt Nam đưa về Việt Nam sinh sống, chưa được đăng ký khai sinh ở nước ngoài (cha, mẹ chưa đăng ký kết hôn), Cán bộ Tư pháp - Hộ tịch phường- xã, thị trấn kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của các giấy tờ trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì thực hiện cho người dân;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn đương sự hoàn thiện hồ sơ.

Bước 3: - Nhận kết quả giải quyết tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường- xã, thị trấn (trong giờ hành chính từ thứ hai đến sáng thứ bảy hàng tuần).

- *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp nộp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước.

- *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Tờ khai đăng ký khai sinh (theo mẫu);
- Hộ chiếu Việt Nam, sổ hộ khẩu; Giấy chứng nhận nhân khẩu tập thể hoặc Giấy đăng ký tạm trú có thời hạn của cha, mẹ trẻ em;

- Giấy chứng sinh do cơ sở y tế, nơi trẻ em sinh ra cấp. Nếu trẻ em sinh ra ngoài cơ sở y tế, thì Giấy chứng sinh được thay bằng văn bản xác nhận của người làm chứng. Trong trường hợp không có người làm chứng, thì người đi khai sinh phải làm giấy cam đoan về việc sinh là có thực.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- *Thời hạn giải quyết:*

- Trong 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận yêu cầu;
- Trong trường hợp cần xác minh thì thời hạn trên có thể kéo dài nhưng không quá 05 ngày làm việc.

- *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Cá nhân
- *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:* Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn.
- *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:* giấy đăng ký
- *Lệ phí (nếu có):* Miễn thu lệ phí bản chính.
- *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm):*
 - Mẫu BTP/HT-2006-KS.1;
 - Phiếu cung cấp thông tin (về đăng ký sinh).
- *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):* không có
- *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:*
 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;
 - Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004;
 - Bộ Luật Dân sự năm 2005;
 - Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch;
 - Quyết định số 01/2006/QĐ-BTP ngày ngày 29 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tư pháp về việc ban hành sổ hộ tịch, biểu mẫu hộ tịch;
 - Thông tư số 01/2008/TT-BTP ngày 02 tháng 6 năm 2008 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch;

Cơ sở Y Tế

Mẫu STP/HT-2006-KS.1

Số:.....

Quyển số:.....

GIẤY CHỨNG SINH

Họ và tên người mẹ:.....

Năm sinh:.....

Nơi thường trú/tạm trú:.....

Số Giấy CMND/Hộ chiếu:.....

Đã sinh con vào lúc:.....giờ.....phút,

ngày.....tháng.....năm.....

Tại:.....

Giới tính của con.....Cân nặng:.....

Con thứ mấy:.....

Số con trong một lần sinh:.....

Dự định đặt tên con là:.....

Ngày.....tháng.....năm.....

Người đỡ đẻ

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ Y TẾ

Cơ sở Y Tế **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Mẫu STP/HT-2006-KS.1

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

Quyển số:.....

GIẤY CHỨNG SINH

Họ và tên người mẹ:.....năm sinh:.....

Nơi thường trú/tạm trú:.....

Số Giấy CMND/Hộ chiếu:.....

Đã sinh con vào lúc:.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm.....

Tại (1):.....

Giới tính của con:.....Cân nặng:.....Con thứ mấy.....

Số con trong một lần sinh:.....

Dự định đặt tên con là (2):.....

Ngày.....tháng.....năm.....

Người đỡ đẻ

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ Y TẾ

Chú thích:

(1) Ghi rõ tên bệnh viện hoặc cơ sở y tế;

(2) Tên dự định đặt có thể được thay đổi khi đăng ký khai sinh.

Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày sinh con, cha, mẹ có trách nhiệm phải đi đăng ký khai sinh cho trẻ em; nếu cha, mẹ không thể đi khai sinh, thì ông, bà hoặc những người thân thích khác đi khai sinh cho trẻ em.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHIẾU CUNG CẤP THÔNG TIN
VỀ ĐĂNG KÝ KHAI SINH**

Họ tên trẻ:Giới tính:.....
 Ngày sinh:..... tháng..... năm

Nơi sinh:.....

Dân tộc:Quốc tịch:

Quê quán:.....

	Cha	Mẹ
Họ và tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Dân tộc		
Quốc tịch		
Quê quán		
Nơi thường trú/ tạm trú/ nơi cư trú		

Họ và tên người cung cấp thông tin:

Sinh năm:Số CMND (Hộ chiếu):..... Nơi cấp:.....

Quan hệ với người được khai sinh:

.....Ngày tháng năm 200

Người lập phiếu

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ Hộ tịch kiểm tra đối chiếu

.....

.....

Chú ý:

- Giấy tờ phải nộp
 - Giấy chứng sinh bản chính (hoặc các giấy tờ thay thế khác theo quy định).
- Giấy tờ phải xuất trình:
 - Sổ Hộ khẩu;
 - Giấy chứng minh nhân dân của người đi khai;
 - Giấy kết hôn của cha mẹ trẻ (Nếu cán bộ hộ tịch biết rõ thì không yêu cầu).
- Cán bộ Hộ tịch có thể giúp trong trường hợp người cung cấp thông tin không ghi được.
- Cán bộ Tư pháp - Hộ tịch kiểm tra đối chiếu thông tin với các giấy tờ.
- Không thu lệ phí phiếu cung cấp thông tin này.

13. Thủ tục: Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho trẻ em sinh ra tại Việt Nam có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam cư trú trong nước còn người kia là công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài xuất trình hộ chiếu Việt Nam còn giá trị sử dụng.

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: - Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định.

Bước 2: - Nộp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ tại Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn (trong giờ hành chính từ thứ hai đến sáng thứ bảy hàng tuần).

- Khi nhận hồ Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho trẻ em sinh ra tại Việt Nam có cha hoặc mẹ là công dân Việt Nam cư trú trong nước còn người kia là công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài xuất trình hộ chiếu Việt Nam còn giá trị sử dụng, Cán bộ Tư pháp - Hộ tịch phường - xã, thị trấn kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của các giấy tờ trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì thực hiện cho người dân;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn đương sự hoàn thiện hồ sơ.

Bước 3: - Nhận kết quả giải quyết tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn (trong giờ hành chính từ thứ hai đến sáng thứ bảy hàng tuần).

- *Cách thức thực hiện:* Trực tiếp nộp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

- *Thành phần, số lượng hồ sơ:*

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Phiếu cung cấp thông tin về đăng ký khai sinh (theo mẫu)
- Hộ chiếu Việt Nam, sổ hộ khẩu; Giấy chứng nhận nhân khẩu tập thể hoặc Giấy đăng ký tạm trú có thời hạn của cha, mẹ trẻ em;

- Giấy chứng nhận kết hôn của cha, mẹ trẻ em (nếu cha, mẹ của trẻ em có đăng ký kết hôn);

- Giấy chứng sinh do cơ sở y tế, nơi trẻ em sinh ra cấp. Nếu trẻ em sinh ra ngoài cơ sở y tế, thì Giấy chứng sinh được thay bằng văn bản xác nhận của người làm chứng. Trong trường hợp không có người làm chứng, thì người đi khai sinh phải làm giấy cam đoan về việc sinh là có thực.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- *Thời hạn giải quyết:*

- Trong 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận yêu cầu;
- Trong trường hợp cần xác minh thì thời hạn trên có thể kéo dài nhưng không quá 05 ngày làm việc.

- *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Cá nhân

- *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:* Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn.

- *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:* giấy đăng ký

- *Lệ phí (nếu có):* Miễn thu lệ phí bản chính

- *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm):*

• Mẫu BTP/HT-2006-KS.1;

• Phiếu cung cấp thông tin (về đăng ký sinh).

- *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):* Không

- *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:*

• Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

• Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004;

• Bộ Luật Dân sự năm 2005;

• Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch;

• Quyết định số 01/2006/QĐ-BTP ngày ngày 29 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tư pháp về việc ban hành sổ hộ tịch, biểu mẫu hộ tịch;

• Thông tư số 01/2008/TT-BTP ngày 02 tháng 6 năm 2008 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch;

• Quyết định số 39/2008/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh Về việc miễn thu một số khoản phí, lệ phí theo quy định tại Chỉ thị số 24/2007/CT-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ.

Cơ sở Y Tế

Mẫu STP/HT-2006-KS.1

Số:.....

Quyển số:.....

GIẤY CHỨNG SINH

Họ và tên người mẹ:.....

Năm sinh:.....

Nơi thường trú/tạm trú:.....

.....

Số Giấy CMND/Hộ chiếu:.....

Đã sinh con vào lúc:.....giờ.....phút,

ngày.....tháng.....năm.....

Tại:.....

.....

Giới tính của con.....Cân nặng:.....

Con thứ mấy:.....

Số con trong một lần sinh:.....

Dự định đặt tên con là:.....

Ngày.....tháng.....năm.....

Người đỡ đẻ

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ Y TẾ

Cơ sở Y Tế **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Mẫu STP/HT-2006-KS.1

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

Quyển số:.....

GIẤY CHỨNG SINH

Họ và tên người mẹ:.....năm sinh:.....

Nơi thường trú/tạm trú:.....

.....

Số Giấy CMND/Hộ chiếu:.....

Đã sinh con vào lúc:.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm.....

Tại (1):.....

Giới tính của con:.....Cân nặng:.....Con thứ mấy.....

Số con trong một lần sinh:.....

Dự định đặt tên con là (2):.....

Ngày.....tháng.....năm.....

Người đỡ đẻ

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ Y TẾ

Chú thích:

(1) Ghi rõ tên bệnh viện hoặc cơ sở y tế;

(2) Tên dự định đặt có thể được thay đổi khi đăng ký khai sinh.

Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày sinh con, cha, mẹ có trách nhiệm phải đi đăng ký khai sinh cho trẻ em; nếu cha, mẹ không thể đi khai sinh, thì ông, bà hoặc những người thân thích khác đi khai sinh cho trẻ em.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHIẾU CUNG CẤP THÔNG TIN
VỀ ĐĂNG KÝ KHAI SINH**

Họ tên trẻ:Giới tính:.....
 Ngày sinh:..... tháng..... năm

Nơi sinh:.....

Dân tộc:Quốc tịch:

Quê quán:.....

	Cha	Mẹ
Họ và tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Dân tộc		
Quốc tịch		
Quê quán		
Nơi thường trú/ tạm trú/ nơi cư trú		

Họ và tên người cung cấp thông tin:

Sinh năm:Số CMND (Hộ chiếu):..... Nơi cấp:.....

Quan hệ với người được khai sinh:

.....Ngày tháng năm 200

Người lập phiếu

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ Hộ tịch kiểm tra đối chiếu

.....

.....

Chú ý:

1. Giấy tờ phải nộp

- Giấy chứng sinh bản chính (hoặc các giấy tờ thay thế khác theo quy định).

2. Giấy tờ phải xuất trình:

- Sổ Hộ khẩu;

- Giấy chứng minh nhân dân của người đi khai;

- Giấy kết hôn của cha mẹ trẻ (Nếu cán bộ hộ tịch biết rõ thì không yêu cầu).

3. Cán bộ Hộ tịch có thể giúp trong trường hợp người cung cấp thông tin không ghi được.

4. Cán bộ Tư pháp - Hộ tịch kiểm tra đối chiếu thông tin với các giấy tờ.

5. Không thu lệ phí phiếu cung cấp thông tin này.

14. Thủ tục: Đăng ký khai sinh quá hạn

- Trình tự thực hiện:

Bước 1: - Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định.

Bước 2: - Nộp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ tại Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn (trong giờ hành chính từ thứ hai đến sáng thứ bảy hàng tuần).

Cán bộ Tư pháp - Hộ tịch phường - xã, thị trấn kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ của các giấy tờ trong hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì thực hiện cho người dân;

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ thì hướng dẫn đương sự hoàn thiện hồ sơ.

Bước 3: - Nhận kết quả giải quyết tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn (trong giờ hành chính từ thứ hai đến sáng thứ bảy hàng tuần).

- Cách thức thực hiện: Trực tiếp nộp tại trụ sở cơ quan hành chính nhà nước

- Thành phần, số lượng hồ sơ:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

• Phiếu cung cấp thông tin về đăng ký khai sinh (theo mẫu);

• CMND, sổ hộ khẩu; Giấy chứng nhận nhân khẩu tập thể hoặc Giấy đăng ký tạm trú có thời hạn của cha, mẹ trẻ em;

• Giấy chứng nhận kết hôn của cha, mẹ trẻ em (nếu cha, mẹ của trẻ em có đăng ký kết hôn);

• Giấy chứng sinh do cơ sở y tế, nơi trẻ em sinh ra cấp. Nếu trẻ em sinh ra ngoài cơ sở y tế, thì Giấy chứng sinh được thay bằng văn bản xác nhận của người làm chứng. Trong trường hợp không có người làm chứng, thì người đi khai sinh phải làm giấy cam đoan về việc sinh là có thực.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- Thời hạn giải quyết:

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

• CMND, sổ hộ khẩu; Giấy chứng nhận nhân khẩu tập thể hoặc Giấy đăng ký tạm trú có thời hạn của cha, mẹ trẻ em;

- Giấy chứng nhận kết hôn của cha, mẹ trẻ em (nếu cha, mẹ của trẻ em có đăng ký kết hôn);

- Giấy chứng sinh do cơ sở y tế, nơi trẻ em sinh ra cấp. Nếu trẻ em sinh ra ngoài cơ sở y tế, thì Giấy chứng sinh được thay bằng văn bản xác nhận của người làm chứng. Trong trường hợp không có người làm chứng, thì người đi khai sinh phải làm giấy cam đoan về việc sinh là có thực.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ

- *Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:* Cá nhân

- *Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:* Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn.

- *Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:* giấy đăng ký

- *Lệ phí (nếu có):* Miễn thu lệ phí bản chính

- *Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có và đề nghị đính kèm):*

- Mẫu BTP/HT-2006-KS.1;

- Phiếu cung cấp thông tin (về đăng ký sinh).

- *Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):* Việc sinh chưa đăng ký trong thời hạn 60 ngày thì phải đăng ký theo thủ tục quá hạn.

- *Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:*

- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em năm 2004;

- Bộ Luật Dân sự năm 2005;

- Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch;

- Quyết định số 01/2006/QĐ-BTP ngày ngày 29 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tư pháp về việc ban hành sổ hộ tịch, biểu mẫu hộ tịch;

- Thông tư số 01/2008/TT-BTP ngày 02 tháng 6 năm 2008 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện một số quy định của Nghị định số 158/2005/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hộ tịch;

- Quyết định số 39/2008/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh Về việc miễn thu một số khoản phí, lệ phí theo quy định tại Chỉ thị số 24/2007/CT-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ.

Cơ sở Y Tế

Mẫu STP/HT-2006-KS.1

Số:.....

Quyển số:.....

GIẤY CHỨNG SINH

Họ và tên người mẹ:.....

Năm sinh:.....

Nơi thường trú/tạm trú:.....

Số Giấy CMND/Hộ chiếu:.....

Đã sinh con vào lúc:.....giờ.....phút,

ngày.....tháng.....năm.....

Tại:.....

Giới tính của con.....Cân nặng:.....

Con thứ mấy:.....

Số con trong một lần sinh:.....

Dự định đặt tên con là:.....

Ngày.....tháng.....năm.....

Người đỡ đẻ

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ Y TẾ

Cơ sở Y Tế **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu STP/HT-2006-KS.1

Số:.....

Quyển số:.....

GIẤY CHỨNG SINH

Họ và tên người mẹ:.....năm sinh:.....

Nơi thường trú/tạm trú:.....

Số Giấy CMND/Hộ chiếu:.....

Đã sinh con vào lúc:.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm.....

Tại (1):.....

Giới tính của con:.....Cân nặng:.....Con thứ mấy.....

Số con trong một lần sinh:.....

Dự định đặt tên con là (2):.....

Người đỡ đẻ

Ngày.....tháng.....năm.....

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ Y TẾ

Chú thích:

(1) Ghi rõ tên bệnh viện hoặc cơ sở y tế;

(2) Tên dự định đặt có thể được thay đổi khi đăng ký khai sinh.

Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày sinh con, cha, mẹ có trách nhiệm phải đi đăng ký khai sinh cho trẻ em; nếu cha, mẹ không thể đi khai sinh, thì ông, bà hoặc những người thân thích khác đi khai sinh cho trẻ em.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**PHIẾU CUNG CẤP THÔNG TIN
VỀ ĐĂNG KÝ KHAI SINH**

Họ tên trẻ:Giới tính:.....
 Ngày sinh:..... tháng..... năm

Nơi sinh:.....

Dân tộc:Quốc tịch:

Quê quán:.....

	Cha	Mẹ
Họ và tên		
Ngày, tháng, năm sinh		
Dân tộc		
Quốc tịch		
Quê quán		
Nơi thường trú/tạm trú/ nơi cư trú		

Họ và tên người cung cấp thông tin:

Sinh năm:Số CMND (Hộ chiếu):..... Nơi cấp:.....

Quan hệ với người được khai sinh:

.....Ngày tháng năm 200

Người lập phiếu

(ký ghi rõ họ tên)

Cán bộ Hộ tịch kiểm tra đối chiếu

.....

.....

Chú ý:

1. Giấy tờ phải nộp

- Giấy chứng sinh bản chính (hoặc các giấy tờ thay thế khác theo quy định).

2. Giấy tờ phải xuất trình:

- Sổ Hộ khẩu;

- Giấy chứng minh nhân dân của người đi khai;

- Giấy kết hôn của cha mẹ trẻ (Nếu cán bộ hộ tịch biết rõ thì không yêu cầu).

3. Cán bộ Hộ tịch có thể giúp trong trường hợp người cung cấp thông tin không ghi được.

4. Cán bộ Tư pháp - Hộ tịch kiểm tra đối chiếu thông tin với các giấy tờ.

5. Không thu lệ phí phiếu cung cấp thông tin này.